

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

DƯƠNG XUÂN SINH

ĐIỀU TRA CÁC VỤ ÁN BUÔN LẬU CỦA CƠ QUAN HẢI QUAN

Chuyên ngành : Luật hình sự và tố tụng hình sự

Mã số : 60.38.01.04

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: GS. TS. NGUYỄN NGỌC ANH

Hà Nội, 2016

LỜI CAM ĐOAN

Tôi cam đoan đây là công trình nghiên cứu khoa học của riêng tôi. Các số liệu, ví dụ và trích dẫn trong luận văn đảm bảo độ tin cậy, chính xác và trung thực. Những kết luận khoa học của luận văn chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình khoa học nào khác.

Tác giả luận văn

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	01
Chương 1. NHẬN THỨC CHUNG VỀ ĐIỀU TRA CÁC VỤ ÁN BUÔN LẬU CỦA CƠ QUAN HẢI QUAN	05
1.1. Khái niệm, các dấu hiệu pháp lý của tội buôn lậu	05
1.2. Thẩm quyền, khái niệm, đặc điểm về điều tra các vụ án buôn lậu của cơ quan Hải quan	10
Chương 2: THỰC TRẠNG ĐIỀU TRA CÁC VỤ ÁN BUÔN LẬU CỦA CƠ QUAN HẢI QUAN	27
2.1. Tình hình, đặc điểm của tội phạm buôn lậu hiện nay	27
2.2. Kết quả điều tra các vụ án buôn lậu của cơ quan Hải quan	32
2.3. Những hạn chế trong công tác điều tra các vụ án buôn lậu của cơ quan Hải quan	37
2.4. Những nguyên nhân của các hạn chế trong điều tra vụ án buôn lậu của cơ quan Hải quan	39
Chương 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP GÓP PHẦN NÂNG CAO HIỆU QUẢ ĐIỀU TRA CÁC VỤ ÁN BUÔN LẬU CỦA CƠ QUAN HẢI QUAN TRONG THỜI GIAN TỚI	49
3.1. Dự báo tình hình liên quan đến công tác điều tra các vụ án buôn lậu của cơ quan Hải quan trong thời gian tới	49
3.2. Các giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả điều tra các vụ án buôn lậu của cơ quan Hải quan	52
KẾT LUẬN	67
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	70

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BLHS	Bộ luật hình sự
BLTTHS	Bộ luật tố tụng hình sự
CBL	chống buôn lậu
CQĐT	Cơ quan điều tra
CQHQ	Cơ quan Hải quan
TTHS	Tố tụng hình sự
VKS	Viện kiểm sát
VKSND	Viện kiểm sát nhân dân

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1. Thống kê về kết quả điều tra, xử lý các vụ án buôn lậu của cơ quan hải quan từ năm 2011 đến năm 2015	38
Bảng 2.2. Chi tiết theo từng địa phương.....	38

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong giai đoạn hội nhập, tự do thương mại, kinh tế Việt Nam phát triển mạnh mẽ cùng với đó là sự gia tăng buôn lậu, vận chuyển trái phép các hàng hóa, tiền tệ qua biên giới,... Trong điều kiện đó, cơ quan Hải quan (CQHQ) có vai trò quan trọng trong thực hiện nhiệm vụ chống buôn lậu (CBL) góp phần đảm bảo an ninh quốc gia, thực thi chính sách kinh tế đối ngoại, chính sách mặt hàng, thuế, đầu tư, du lịch, đảm bảo thu ngân sách nhà nước và đảm bảo lợi ích cộng đồng.

Thực tế cho thấy, thời gian qua hoạt động buôn lậu trên các tuyến và địa bàn cả nước liên tục có những diễn biến phức tạp, xuất hiện các đối tượng buôn lậu với nhiều phương thức thủ đoạn tinh vi, hoạt động có tổ chức, rất mạnh động, sẵn sàng đối phó, chống trả lực lượng chức năng khi bị phát hiện. Chúng lợi dụng kẽ hở trong chính sách pháp luật, lợi dụng các điều kiện ưu đãi, tạo thuận lợi thương mại để gian lận thuế, vi phạm pháp luật hải quan, gây ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế, đến sức khỏe, an ninh, an toàn cộng đồng. CQHQ đã có nhiều cố gắng trong việc phòng ngừa, CBL và đã đạt được các kết quả cụ thể như: trong thời gian 5 năm từ 2011 đến 2015, lực lượng hải quan đã phát hiện bắt giữ 104.055 vụ, trị giá hàng hóa vi phạm ước tính 2.586 tỷ đồng, trong đó thu giữ nhiều tang vật điển hình như 428 kg heroin, 153 kg và 258 nghìn viên ma túy tổng hợp, 1.588 khẩu súng 161.480 viên đạn, 245kg thuốc nổ, 41,4kg vàng, 2 triệu 026 nghìn USD, gần 2 triệu bao thuốc lá, 2,2 triệu lít xăng, gần 1 triệu lít dầu,... 18,6 tấn ngà voi, 215 kg sừng tê giác, 242 cỗ vật, 3.435 tài liệu phản động...[22]

Tuy nhiên, phòng, chống buôn lậu nói chung và điều tra các vụ án buôn lậu nói riêng của CQHQ còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc, hạn chế nhưng

chưa được tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm toàn diện. Mặt khác, về mặt lý luận điều tra các vụ án buôn lậu cho đến nay vẫn chưa có nhận thức thống nhất. Với những lý do trên, việc nghiên cứu một cách có hệ thống, chuyên sâu để đánh giá thực trạng, phát hiện những bất cập, hạn chế trong công tác điều tra của CQHQ, tìm ra nguyên nhân, giải pháp để nâng cao hiệu quả công tác này có tính cấp thiết cả về lý luận và thực tiễn. Nhận thức như vậy, học viên đã chọn vấn đề: "Điều tra các vụ án buôn lậu của cơ quan hải quan" làm đề tài luận văn thạc sĩ.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Nghiên cứu lý luận và đánh giá thực tiễn để đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống buôn lậu luôn tập trung sự chú ý của các nhà khoa học, các cán bộ hoạt động thực tiễn; nhờ đó, đến nay đã có một số bài viết, sách, đề tài nghiên cứu về tình hình, giải pháp đấu tranh với tội phạm buôn lậu nói chung và của CQHQ nói riêng đã được công bố, cụ thể là:

- "Chống buôn lậu và gian lận thương mại" của PTS. Lê Thanh Bình, NXB Chính trị quốc gia 1998;

- "Đấu tranh phòng, chống buôn lậu, thực trạng ở nước ta và giải pháp" luận văn thạc sĩ Hoàng Anh Tuấn, đại học quốc gia Hà Nội (2013);

- Trần Đình Hòa (2001), Tổ chức hoạt động điều tra của lực lượng Cảnh sát nhân dân đối với vụ án buôn lậu, luận án tiến sĩ luật học, Học viên Cảnh sát nhân dân;

- Nguyễn Quốc Bình (2005), Đấu tranh phòng, chống tội phạm buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới, luận án tiến sĩ luật học, đại học Luật, Hà Nội;

- Nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm buôn lậu và vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới trong tình hình mới, kết quả

nghiên cứu Hội thảo khoa học (2015), Học viện Cảnh sát nhân dân - Cục Điều tra CBL, Tổng cục Hải quan...

Tình hình nghiên cứu trên cho thấy, tuy đã quan tâm nghiên cứu, nhưng cho đến nay chưa có đề nào nghiên cứu chuyên sâu về điều tra vụ án buôn lậu của CQHQ.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

- Luận văn nghiên cứu một số vấn đề lý luận và thực tiễn công tác điều tra vụ án buôn lậu của CQHQ; trên cơ sở đó, đề xuất các giải pháp nhằm góp phần nâng cao hiệu quả điều tra các vụ án buôn lậu trong thời gian tới.

- Để đạt được mục đích trên, luận văn đặt ra và giải quyết các nhiệm vụ sau:

Phân tích lý luận và pháp lý để xây dựng khái niệm, các dấu hiệu pháp lý của tội phạm buôn lậu; khái niệm, đặc điểm điều tra vụ án buôn lậu của CQHQ;

Nghiên cứu dưới góc độ thực tiễn để làm rõ tình hình diễn biến của tội phạm buôn lậu và thực trạng hoạt động điều tra các vụ án buôn lậu của CQHQ trong thời gian qua; qua đó đánh giá ưu, nhược điểm công tác điều tra và nguyên nhân của ưu, nhược điểm đó;

Dự báo tình hình, đề xuất một số giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả điều tra vụ án buôn lậu của CQHQ trong thời gian tới.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu của luận văn là những vấn đề lý luận và thực tiễn hoạt động điều tra vụ án buôn lậu của CQHQ và các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác này.

- Phạm vi nghiên cứu của luận văn là hệ thống pháp luật hiện hành liên quan và thực tiễn điều tra vụ án buôn lậu của CQHQ trên phạm vi cả nước, trong thời gian 5 năm gần đây (giai đoạn 2011 đến 2015).

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Luận văn được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, các quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về xây dựng nhà nước pháp quyền và cải cách tư pháp trong giai đoạn hiện nay liên quan đến tổ chức hoạt động điều tra hình sự nói chung và trên cơ sở thực tiễn tổ chức hoạt động điều tra của Hải quan Việt Nam nói riêng. Các phương pháp cụ thể được sử dụng để thực hiện luận văn là phương pháp phân tích tổng hợp; phương pháp lịch sử; các phương pháp nghiên cứu của xã hội học như so sánh, đối chiếu, thống kê...

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Là công trình nghiên cứu một cách có hệ thống và tương đối toàn diện về điều tra vụ án buôn lậu của CQHQ nên kết quả rút ra qua nghiên cứu của luận văn có ý nghĩa lý luận và thực tiễn. Ở góc độ lý luận, luận văn góp phần từng bước hoàn thiện lý luận chuyên ngành luật hình sự và TTHS. Ở góc độ thực tiễn, những đề xuất của luận văn có giá trị tham khảo để nâng cao hiệu quả điều tra các vụ án buôn lậu của CQHQ. Với ý nghĩa như vậy, luận văn có thể được dùng làm tài liệu tham khảo khi học tập, nghiên cứu, giảng dạy về chuyên ngành ở các cơ sở đào tạo về pháp luật; cũng để cán bộ thực tiễn có thể tham khảo, vận dụng vào công tác đấu tranh vụ án buôn lậu.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, luận văn có kết cấu gồm ba chương:

Chương 1. Nhận thức chung về điều tra các vụ án buôn lậu của cơ quan Hải quan.

Chương 2. Thực trạng điều tra các vụ án buôn lậu của cơ quan Hải quan.

Chương 3. Một số giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả điều tra các vụ án buôn lậu của cơ quan Hải quan trong thời gian tới.

Chương 1

NHẬN THỨC CHUNG VỀ ĐIỀU TRA CÁC VỤ ÁN BUÔN LẬU CỦA CƠ QUAN HẢI QUAN

1.1. Khái niệm, các dấu hiệu pháp lý của tội buôn lậu

1.1.1. Khái niệm tội buôn lậu

Theo BLHS năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009) tại Điều 153 qui định tội buôn lậu là buôn bán trái phép qua biên giới hàng hoá, tiền Việt Nam, ngoại tệ, kim khí quý, đá quý có giá trị từ một trăm triệu đồng đến dưới ba trăm triệu đồng hoặc dưới một trăm triệu đồng nhưng đã bị xử phạt hành chính về hành vi quy định tại Điều 153 hoặc tại một trong các điều: Điều 154 Tội Vận chuyển trái phép hàng hóa tiền tệ qua biên giới; Điều 155 Tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán hàng cấm; Điều 156 Tội sản xuất, buôn bán hàng giả; Điều 157 Tội sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh; Điều 158 Tội sản xuất, buôn bán hàng giả là thức ăn dùng để chăn nuôi, phân bón, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, giống cây trồng, vật nuôi; Điều 159 Tội kinh doanh trái phép; Điều 160 Tội đầu cơ; Điều 161 Trốn thuế của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về một trong các tội này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 193 Tội sản xuất trái phép chất ma túy; Điều 194 Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy; Điều 195 Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt tiền chất dùng vào việc sản xuất hoặc sử dụng trái phép chất ma túy; Điều 196 Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép các phương tiện, dụng cụ dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy; Điều 230 Tội chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí quân dụng, phương tiện, kỹ thuật quân sự; Điều 232 Tội chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vật liệu nổ;

Điều 233 Tội chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí thô sơ hoặc công cụ hỗ trợ; Điều 236 Tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất phóng xạ; Điều 238 Tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng hoặc mua bán trái phép chất cháy, chất độc; hoặc đã bị kết án về một trong các tội này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm. Buôn bán trái phép qua biên giới vật phẩm thuộc di tích lịch sử, văn hoá; hàng cấm có số lượng lớn hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi quy định tại Điều 153 hoặc tại một trong các điều 154, 155, 156, 157, 158, 159, 160 và 161 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về một trong các tội này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, nếu không thuộc trường hợp quy định tại các điều 193, 194, 195, 196, 230, 232, 233, 236 và 238 của Bộ luật này. [11], [12]

Ngày 27/11/2015, Quốc hội khóa XII, Kỳ họp thứ 10 đã thông qua BLHS năm 2015, có hiệu lực thực hiện từ ngày 1/7/2016. Tuy nhiên, do một số sai sót về kỹ thuật, nên Quốc hội đã lùi thời hạn có hiệu lực của BLHS năm 2015 đến khi Luật sửa đổi, bổ sung BLHS năm 2015 có hiệu lực (Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 về việc lùi hiệu lực thi hành của BLHS số 100/2015/QH13, BLTTHS số 101/2015/QH13, Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Luật thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13 và bổ sung dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS số 100/2015/QH13 vào chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2016 [20]).

So với Điều 153 BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung 2009) thì BLHS năm 2015 qui định thêm hành vi khách quan là buôn bán "từ khu phi thuế quan vào nội địa hoặc ngược lại" trái với qui định của pháp luật; bổ sung đối tượng tác động của tội phạm là "di vật, cổ vật". Bổ sung một số tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự như "vật phạm pháp là bảo vật quốc gia"; bỏ đối tượng tác động của tội phạm là "hàng cấm". Tăng hình phạt tiền, giảm hình phạt tù (hình phạt tù cao nhất chung thân xuống tù 20 năm).

BLHS 2015 có qui định trách nhiệm hình sự của pháp nhân đối với tội buôn lậu (khoản 6, Điều 188) [13]. Theo đó, pháp nhân thương mại phạm tội buôn lậu, tùy theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm thì bị phạt tiền, đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 03 năm hoặc bị đình chỉ vĩnh viễn.

Từ những trình bày ở trên, có thể nêu khái niệm của tội buôn lậu như sau: tội phạm buôn lậu là hành vi nguy hiểm cho xã hội, được qui định trong BLHS, do người hoặc pháp nhân thương mại thực hiện một cách cố ý xâm phạm trật tự quản lý kinh tế và phải chịu hình phạt.

1.1.2. Các dấu hiệu pháp lý cơ bản của tội buôn lậu

1.1.2.1. Khách thể của tội phạm

Khách thể của tội phạm này là trật tự quản lý kinh tế mà cụ thể là trật tự quản lý việc xuất, nhập khẩu hàng hoá, tiền tệ, kim khí đá quý, di vật, cổ vật, vật có giá trị lịch sử, văn hóa, bảo vật quốc gia. Trong bối cảnh phát triển kinh tế, hội nhập quốc tế sâu rộng, thì khách thể của tội buôn lậu có thể có thay đổi.

Đối tượng tác động của tội buôn lậu là hàng hoá, tiền Việt Nam, ngoại tệ, kim khí quý, đá quý, di vật, cổ vật, vật có giá trị lịch sử, văn hoá, vật phạm pháp có giá trị từ 300 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng và vật phạm pháp là bảo vật quốc gia. Khi xác định đối tượng tác động, nếu cần phải trưng cầu giám định của cơ quan chuyên môn thì các cơ quan tiến hành tố tụng phải trưng cầu giám định.

1.1.2.2. Mặt khách quan của tội phạm

a) Hành vi khách quan: mặt khách quan của tội buôn lậu được thể hiện ở hành vi buôn bán qua biên giới hoặc từ khu phi thuế quan vào nội địa hoặc ngược lại trái quy định của pháp luật các loại hàng hoá, tiền Việt Nam, ngoại tệ, kim khí quý, đá quý, di vật, cổ vật, vật có giá trị lịch sử, văn hoá và bảo vật quốc gia.

Buôn bán trái với qui định của pháp luật là các hành vi rất đa dạng, thủ đoạn tinh vi như: không khai báo hải quan, khai báo không đúng, giả mạo giấy tờ, vi phạm tiêu chuẩn, định mức hàng hóa miễn thuế, lợi dụng các hình thức ưu đãi đối với hàng hóa khu chế xuất, gia công đầu tư nước ngoài, khu kinh tế cửa khẩu, tạm nhập tái xuất,...

b) Thiệt hại do hành vi buôn lậu gây ra là để lọt những loại hàng cấm như vũ khí, ma túy, chất nổ, tài liệu phản động,... gây ảnh hưởng an ninh quốc gia; hàng hóa không đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng, vi phạm môi trường, ảnh hưởng an toàn cộng đồng; không thu đúng, thu đủ được thuế, ảnh hưởng ngân sách nhà nước; hàng giả, vi phạm sở hữu trí tuệ, lợi dụng các chính sách ưu đãi, chính sách khuyến khích xuất khẩu, chính sách đối với các mặt hàng vàng, ngoại tệ, xăng dầu, khoáng sản, lương thực, thủy sản, nhu yếu phẩm,... ảnh hưởng tới điều tiết kinh tế vĩ mô, phá hoại sản xuất trong nước.

c) Một số dấu hiệu khách quan khác là dấu hiệu bắt buộc của cấu thành tội phạm như giá trị, số lượng hàng hóa vi phạm, địa điểm phạm tội.

- Truy cứu trách nhiệm hình sự đối với tội phạm buôn lậu khi hàng hóa, Việt Nam, ngoại tệ, kim khí quý, đá quý trị giá từ 100 triệu đồng đến dưới 300 triệu đồng hoặc dưới 100 triệu đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi quy định tại Điều này hoặc tại một trong các điều 189, 190, 191, 192, 193, 194, 195, 196 và 200 của BLHS hoặc đã bị kết án về một trong các tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, nếu không thuộc trường hợp quy định tại các điều 248, 249, 250, 251, 252, 253, 254, 304, 305, 306, 309 và 311 của BLHS.

- Yếu tố qua biên giới hết sức quan trọng trong xác định dấu hiệu cấu thành tội buôn lậu. Trong quá trình điều tra, việc xác định địa điểm phạm tội được các cơ quan có thẩm quyền tập trung làm rõ. Biên giới là đường phân cách giữa quốc gia này với quốc gia khác. Biên giới bao gồm biên giới đường

bộ, đường thủy, đường không. Tuy nhiên, việc xác định hành vi buôn bán trái phép đã qua biên giới chưa lại không phải cứ vào việc hàng hoá đã qua đường biên chưa, mà căn cứ vào địa điểm thuộc phạm vi địa bàn kiểm soát của các CQHQ, biên phòng, đường mòn, lối mở biên giới đất liền, khu vực biên giới trên biển, khu phi thuế quan,... Vì vậy, khi xác định hành vi buôn lậu thông thường cơ quan có thẩm quyền thường kết hợp xác định địa điểm thuộc khu vực biên giới, làm rõ các chứng cứ về hành vi giao dịch giữa đối tượng buôn lậu với đối tác nước ngoài, hành vi trốn tránh sự kiểm tra, kiểm soát cơ quan Nhà nước,...

1.1.2.3. Mặt chủ quan của tội phạm

Người thực hiện hành vi buôn lậu là do cố ý (cố ý trực tiếp), tức là nhận thức rõ hành vi của mình là hành vi buôn bán trái phép qua biên giới, thấy trước được hậu quả nguy hiểm của hành vi buôn bán trái phép qua biên giới và mong muốn cho hậu quả đó xảy ra.

1.1.2.4. Chủ thể của tội phạm

- Chủ thể của tội phạm này là người có năng lực trách nhiệm hình sự và đến độ tuổi nhất định theo quy định của pháp luật. Theo quy định tại Điều 12 BLHS năm 2015 thì người đủ 16 tuổi trở lên mới là chủ thể của tội phạm này.

- Chủ thể là pháp nhân thương mại. Pháp nhân thương mại chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự khi có đủ các điều kiện: hành vi phạm tội được thực hiện nhân danh pháp nhân thương mại; hành vi phạm tội được thực hiện vì lợi ích của pháp nhân thương mại; hành vi phạm tội được thực hiện có sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của pháp nhân thương mại; chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự.

1.2. Thẩm quyền, khái niệm, đặc điểm về điều tra vụ án buôn lậu của cơ quan hải quan

1.2.1. Vài nét lịch sử về thẩm quyền điều tra vụ án buôn lậu của cơ quan hải quan

1.2.1.1. Giai đoạn từ năm 1945 đến năm 1990

Ngay sau khi nước Việt Nam dân chủ cộng hoà ra đời, ngày 10/9/1945, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Võ Nguyên Giáp thay mặt Chủ tịch Chính phủ lâm thời ký Sắc lệnh số 27/SL thành lập "Sở thuế quan và thuế gián thu". Đây là tổ chức bộ máy đầu tiên của CQHQ ngày nay. Hoạt động của sở Thuế quan chủ yếu là công tác CBL, kiểm soát hàng hoá, tiền bạc của tư thương xuất, nhập giữa vùng tự do và vùng tạm chiếm, thực hiện nhiệm vụ thu thuế xuất nhập cảng. Ngày 28/5/1948, Chính phủ ban hành Sắc lệnh số 189/SL quy định sự khám nhận và truy tố những việc trái với luật lệ ngoại thương, theo đó nhân viên thuế quan và thuế gián thu có quyền khám xét và tiến hành các hoạt động tố tụng để truy tố đối với các hành vi vi phạm pháp luật về ngoại thương.

Ngày 17/7/1951, Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ký Nghị định số 63/NĐ ấn định hệ thống tổ chức sở thuế thuộc Bộ Tài chính. Sở Thuế quan và thuế gián thu bị giải thể, thay vào đó là phòng Thuế xuất nhập khẩu nằm trong sở Thuế trung ương. Theo Điều lệ tạm thời số 247-TTg ngày 10/4/1953 quy định tổ chức và nhiệm vụ của các cơ quan thuộc ban quản lý xuất nhập khẩu ở trung ương và các khu quản lý xuất nhập khẩu hay phân khu quản lý xuất nhập khẩu ở địa phương, thì phân sở Thuế xuất nhập khẩu có nhiệm vụ: "Tổ chức việc kiểm soát, truy nã và xử lý các vụ buôn lậu. Nếu tội nặng thì phải thỉnh thị khu quản lý xuất nhập khẩu". Với nhiệm vụ này, trong năm 1953 ngành Thuế xuất nhập khẩu đã bắt 20.163 vụ, tịch thu hàng hoá trị giá 997 triệu đồng. [21]

Kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi, Chính phủ đã có chủ trương mở rộng buôn bán với các nước. Để làm được điều này, cần có một

lực lượng chức năng có khả năng hoàn thành nhiệm vụ bảo đảm chính sách độc quyền ngoại thương của Nhà nước. Vì vậy, trong phiên họp thường kỳ tháng 10/1954, Chính phủ đã quyết định chuyển ngành thuế xuất nhập khẩu sang Bộ Công thương để thành lập ngành Hải quan. Ngày 14/12/1954, Bộ trưởng Bộ Công thương đã ký Nghị định số 136/BCT/KB/NĐ thành lập sở Hải quan thuộc Bộ Công thương. Tên gọi Hải quan được sử dụng chính thức từ đó đến nay.

Ngày 6/4/1955 Bộ Công thương đã ký Nghị định số 73-BCT/NĐ/KB quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của sở Hải quan, cho phép Hải quan có quyền khám xét hàng hoá, tiền tệ, vàng bạc, hành lý, công cụ vận tải, hành khách qua lại biên giới Việt Nam dân chủ cộng hoà; giữ lại để xử lý những hàng hoá trên nếu vi phạm vào thể lệ hải quan; giữ lại và giao Công an để điều tra và chuyển sang Toà án nhân dân để truy tố những gian thương chống lại hoặc phá hoại chính sách của Chính phủ.

Ngày 27/2/1960, Chính phủ đã ban hành Điều lệ Hải quan. Ngày 18/2/1961, Bộ Ngoại thương ban hành Thông tư số 16/BNT-VPCP giải thích và hướng dẫn Điều lệ Hải quan, quy định CQHQ có quyền khám người, công cụ vận tải, nhà ở; CQHQ có quyền tạm giữ hàng hoá phạm pháp, công cụ vận tải chuyên chở hàng hoá phạm pháp, tang vật che dấu hàng phạm pháp. CQHQ có quyền xử lý đối với hành vi buôn lậu, trường hợp cần thiết, CQHQ có quyền đề nghị cơ quan Công tố truy tố trước toà.

Ngày 30/8/1984, Hội đồng Nhà nước ra Nghị quyết số 547/NQ/HĐNN phê chuẩn việc thành lập Tổng cục Hải quan, là cơ quan thuộc Hội đồng Bộ trưởng. Ngày 20/10/1984, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Nghị định số 139/HĐBT quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Tổng cục Hải quan. Điều 1 Nghị định 139/HĐBT quy định: “Tổng cục Hải quan, cơ quan thuộc Hội đồng Bộ trưởng là công cụ chuyên chính nửa vũ trang của

Đảng và Nhà nước, có chức năng:

- Kiểm tra và quản lý hàng hoá, hành lý, ngoại hối và các loại công cụ vận tải xuất nhập qua biên giới nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Thi hành chính sách thuế xuất khẩu, nhập khẩu;
- Ngăn ngừa và chống các vi phạm luật lệ hải quan và các luật lệ khác liên quan đến việc xuất nhập khẩu;
- Chống các hoạt động buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hoá, tiền tệ qua biên giới”. [21]

Như vậy, việc quy định Hải quan có thẩm quyền khám xét, điều tra, xử lý các hành vi buôn lậu đã góp phần to lớn trong việc bảo vệ chính sách ngoại thương của Nhà nước trong những năm đầu xây dựng xã hội chủ nghĩa, góp phần vào bảo vệ chủ quyền an ninh quốc gia, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

1.2.1.2. Giai đoạn thực hiện Pháp lệnh Hải quan năm 1990, Luật Hải quan năm 2001 đến nay

Để đáp ứng yêu cầu của công cuộc đổi mới, ngày 20/2/1990, Hội đồng Nhà nước thông qua Pháp lệnh Hải quan, qui định chế độ quản lý nhà nước về Hải quan, thể chế hóa đường lối, chính sách của Đảng về mở rộng mối quan hệ kinh tế đối ngoại, tăng cường hợp tác và giao lưu quốc tế; thực hiện dân chủ hóa và nâng cao hiệu quả quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh; tôn trọng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Pháp lệnh qui định nguyên tắc tổ chức của Hải quan là: "Tập trung, thống nhất, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Hội đồng Bộ trưởng", với bộ máy tổ chức của ngành Hải quan bắt đầu được phân công thành 3 cấp như hiện nay (Tổng cục Hải quan, Cục Hải quan tỉnh hoặc liên tỉnh, thành phố và Hải quan

cửa khẩu). Cuối năm 1989 toàn Ngành có 4.200 cán bộ nhân viên, 22 cục Hải quan tỉnh, thành phố và 100 đơn vị hải quan cửa khẩu và tương đương.

Nhiệm vụ, quyền hạn của CQHQ đối với công tác CBL đã được qui định cụ thể hơn tại Điều 46 của Pháp lệnh:

"1. Hải quan Việt Nam, khi tiến hành điều tra, giám sát, kiểm soát, có nhiệm vụ tổ chức đấu tranh CBL hoặc vận chuyển trái phép hàng hóa, ngoại hối, tiền Việt Nam qua biên giới; áp dụng các biện pháp phát hiện, ngăn ngừa, điều tra, xử lý các vi phạm theo quy định của pháp luật". [21]

Giai đoạn này, pháp luật hình sự, TTHS cũng đã có những qui định chặt chẽ và một số thay đổi về thẩm quyền điều tra vụ án buôn lậu của CQHQ. Tại Điều 93 BLTTHS năm 1988 quy định: khi phát hiện những hành vi phạm tội đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự trong lĩnh vực quản lý của mình, thì CQHQ có quyền có quyền:

"a) Đối với hành vi phạm tội quả tang, chứng cứ rõ ràng, ít nghiêm trọng thì ra quyết định khởi tố vụ án, tiến hành điều tra và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát có thẩm quyền trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày ra quyết định khởi tố vụ án;

b) Đối với hành vi phạm tội nghiêm trọng hoặc phức tạp thì ra quyết định khởi tố vụ án, tiến hành những hoạt động điều tra ban đầu và chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra có thẩm quyền trong thời hạn bảy ngày kể từ ngày ra quyết định khởi tố vụ án"; [14]

Ngày 4/4/1989, Hội đồng Nhà nước đã ban hành Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự. Theo Điều 28 của Pháp lệnh này thì CQHQ có thẩm quyền khởi tố vụ án, tiến hành các hoạt động điều tra đối với tội buôn lậu hoặc vận chuyển trái phép hàng hoá qua biên giới theo Điều 97 của BLHS năm 1985, cụ thể:

"a) Đối với hành vi phạm tội quả tang, chứng cứ rõ ràng, ít nghiêm trọng thì ra quyết định khởi tố vụ án, lấy lời khai, thu giữ, bảo quản vật chứng và tài liệu liên quan trực tiếp đến vụ án; xét cần ngăn chặn ngay việc người có hành vi phạm tội chạy trốn thì tạm giữ ngay người đó và xin ngay lệnh tạm giữ của cơ quan có thẩm quyền; khám xét người, khám nơi oa trữ trong khu vực kiểm soát của Hải quan do Hội đồng Bộ trưởng quy định; khi cần thiết, trung cầu giám định, khởi tố bị can; hoàn thành và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày ra quyết định khởi tố vụ án.

b) Đối với hành vi thuộc loại tội nghiêm trọng, phức tạp thì ra quyết định khởi tố vụ án, lấy lời khai, thu giữ, bảo quản vật chứng và tài liệu liên quan trực tiếp đến vụ án, khi xét cần ngăn chặn ngay việc người có hành vi phạm tội chạy trốn thì tạm giữ ngay người đó và xin ngay lệnh bắt khẩn cấp của cơ quan có thẩm quyền; khám xét người, khám nơi oa trữ trong khu vực kiểm soát của Hải quan do Hội đồng Bộ trưởng quy định; chuyển hồ sơ vụ án cho cơ quan điều tra có thẩm quyền trong thời hạn 7 ngày, kể từ ngày ra quyết định khởi tố vụ án".

BLHS năm 1985 qui định tại Điều 97 tội buôn lậu hoặc vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới:

"1- Người nào buôn bán trái phép hoặc vận chuyển trái phép qua biên giới hàng hoá, tiền Việt Nam, ngoại tệ, kim khí quý, đá quý hoặc vật phẩm thuộc di tích lịch sử, văn hoá, thì bị phạt tiền đến năm lần giá trị vật phạm pháp hoặc bị phạt tù từ một năm đến năm năm.

2- Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tiền đến mười lần giá trị vật phạm pháp hoặc bị phạt tù từ ba năm đến mười hai năm:

- a) Có tổ chức;
- b) Vật phạm pháp có số lượng lớn hoặc giá trị lớn; thu lợi bất chính lớn;
- c) Lợi dụng chiến tranh;

d) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn hoặc lợi dụng danh nghĩa cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội;

đ) Phạm tội nhiều lần hoặc tái phạm nguy hiểm.

3- Phạm tội trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng thì bị phạt tù từ mười năm đến hai mươi năm hoặc tù chung thân" [10]

Ngày 28/12/1989, Quốc hội thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS, theo đó hành vi buôn bán, vận chuyển trái phép ma túy qua biên giới được quy định trong Điều 96a. Do vậy, kể từ thời điểm Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 1985 có hiệu lực thì CQHQ không có quyền khởi tố vụ án, điều tra đối với hành vi mua bán, vận chuyển trái phép ma túy qua biên giới.

Ngày 29/6/2001, Quốc hội khoá X thông qua Luật Hải quan, quy định Hải quan Việt Nam có nhiệm vụ thực hiện kiểm tra, giám sát hàng hóa, phương tiện vận tải; phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới; tổ chức thực hiện pháp luật về thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; kiến nghị chủ trương, biện pháp quản lý nhà nước về hải quan đối với hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh và chính sách thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. [17]

Năm 2003, Quốc hội ban hành BLTTHS thì thẩm quyền điều tra của Hải quan được quy định cụ thể tại Điều 111. Khi phát hiện những hành vi phạm tội đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự trong lĩnh vực quản lý của mình thì CQHQ có thẩm quyền: đối với tội phạm ít nghiêm trọng trong trường hợp phạm tội quả tang, chứng cứ và lai lịch người phạm tội rõ ràng, thì ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can, tiến hành điều tra và chuyển hồ sơ cho VKS có thẩm quyền trong thời hạn hai mươi ngày, kể từ ngày ra quyết định khởi tố vụ án; đối với tội phạm nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng hoặc tội phạm ít nghiêm trọng nhưng phức tạp thì ra quyết định

khởi tố vụ án, tiến hành hoặc hoạt động điều tra ban đầu và chuyển hồ sơ cho CQĐT có thẩm quyền trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày ra quyết định khởi tố vụ án. [15]

Ngày 20/8/2004, Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Pháp lệnh số 23/2004/PL-UBTVQH11 về tổ chức điều tra hình sự. Điều 20 của Pháp lệnh quy định, CQHQ khi thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực quản lý của mình mà phát hiện tội phạm quy định tại Điều 153 và Điều 154 của BLHS thì Cục trưởng Cục điều tra CBL, Cục trưởng Cục kiểm tra sau thông quan, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu có quyền:

“a) Đối với tội phạm ít nghiêm trọng trong trường hợp phạm tội quả tang, chứng cứ và lai lịch người phạm tội rõ ràng thì ra quyết định khởi tố vụ án, lấy lời khai, thu giữ, tạm giữ và bảo quản vật chứng, tài liệu liên quan trực tiếp đến vụ án, khám người, khám nơi oa trữ trong khu vực kiểm soát của Hải quan, trung cầu giám định khi cần thiết, khởi tố bị can, tiến hành các biện pháp điều tra khác theo quy định của BLTTHS, kết thúc điều tra và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát có thẩm quyền trong thời hạn hai mươi ngày, kể từ ngày ra quyết định khởi tố vụ án;

b) Đối với tội phạm nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng hoặc tội phạm ít nghiêm trọng nhưng phức tạp thì ra quyết định khởi tố vụ án, lấy lời khai, thu giữ, tạm giữ và bảo quản vật chứng, tài liệu liên quan trực tiếp đến vụ án, khám người, khám nơi oa trữ trong khu vực kiểm soát của Hải quan, chuyển hồ sơ vụ án cho CQĐT có thẩm quyền trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày ra quyết định khởi tố vụ án”. [25]

Ngày 27/11/2015, Quốc hội khóa XIII kỳ họp thứ 10 thông qua BLTTHS năm 2015 (có hiệu lực từ ngày 01/07/2016). Điều 164 BLTTHS năm 2015 qui định nhiệm vụ, quyền hạn của CQHQ được tiến hành hoạt động

điều tra [16]. Ngày 26/11/2015, Quốc hội khóa XIII kỳ họp thứ 10 đã thông qua Luật tổ chức CQĐT hình sự (có hiệu lực từ ngày 01/7/2016). Điều 33 qui định nhiệm vụ, quyền hạn điều tra của Hải quan. [19]

Theo Điều 164 BLTTHS năm 2015 và Điều 33 Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự đã qui định CQHQ có thẩm có quyền khởi tố vụ án và tiến hành các hoạt động điều tra đối với 03 tội danh: tội buôn lậu theo Điều 188, tội vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới theo Điều 189 và tội sản xuất, buôn bán hàng cấm theo Điều 190 BLHS năm 2015. So với qui định trước đây, thẩm quyền điều tra của CQHQ đã được mở rộng hơn với 03 tội và về thời gian điều tra đối với các tội phạm ít nghiêm trọng trong trường hợp phạm tội quả tang, chứng cứ và lý lịch người phạm tội rõ ràng cũng được tăng lên 01 tháng (trước đây là 20 ngày). Tuy nhiên, lại hạn chế đối với các hành vi khác như vận chuyển hàng cấm.

Như vậy, từ khi thành lập đến nay, Hải quan đều có thẩm quyền tiến hành một số hoạt động điều tra hình sự đối với hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hoá qua biên giới. Từ việc nghiên cứu lịch sử hình thành và phát triển của ngành Hải quan cho thấy CQHQ có vị trí quan trọng trong bộ máy nhà nước, có thẩm quyền tiến hành một số hoạt động điều tra để đấu tranh với các tội phạm liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước về hải quan.

1.2.2. Khái niệm điều tra vụ án buôn lậu của cơ quan hải quan

Do đặc thù tính chất công việc, nhiệm vụ quản lý nhà nước về Hải quan, Hải quan Việt Nam cũng như Hải quan các nước phải giải quyết, xử lý các vi phạm pháp luật liên quan đến hàng cấm, hàng giả, gian lận thương mại, trốn thuế, vi phạm tiêu chuẩn hàng hóa, môi trường, an ninh, an toàn cộng đồng,... Vì vậy, để hoàn thành nhiệm vụ, CQHQ được pháp luật qui định các điều kiện, cơ sở để thực hiện hoạt động điều tra đối với tội phạm trong lĩnh vực này như thẩm quyền, biện pháp nghiệp vụ, tổ chức lực lượng,...

Cho đến nay, còn có nhiều ý kiến khác nhau về khái niệm điều tra nói chung và điều tra vụ án buôn lậu của CQHQ, nhưng theo chúng tôi là: điều tra vụ án buôn lậu của CQHQ là một giai đoạn của TTTHS, trong đó CQHQ áp dụng các biện pháp được pháp luật qui định nhằm xác định tội phạm buôn lậu và người thực hiện hành vi buôn lậu làm cơ sở cho việc truy tố, xét xử.

Theo qui định tại Điều 164 BLTTTHS năm 2015 và Điều 33 Luật Tổ chức CQĐT hình sự thì CQHQ khi thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực quản lý của mình mà phát hiện tội phạm qui định tại các điều 188 (tội buôn lậu), điều 189 (tội vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới) và điều 190 (tội sản xuất, buôn bán hàng cấm) của BLHS thì Cục trưởng Cục Điều tra CBL, Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu có nhiệm vụ, quyền hạn:

- Đối với tội phạm ít nghiêm trọng trong trường hợp phạm tội quả tang, chứng cứ và lý lịch người phạm tội rõ ràng thì quyết định khởi tố vụ án hình sự, lấy lời khai, thu giữ, tạm giữ và bảo quản vật chứng, tài liệu liên quan trực tiếp đến vụ án, khám người, khám nơi cất giữ hàng hóa trong khu vực kiểm soát của hải quan, trung cầu giám định khi cần thiết, khởi tố bị can tiến hành các biện pháp điều tra theo qui định của BLTTTHS, kết thúc điều tra và chuyển hồ sơ vụ án cho VKS có thẩm quyền trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày ra quyết định khởi tố vụ án.

- Đối với tội phạm nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng hoặc tội phạm ít nghiêm trọng như phức tạp thì quyết định khởi tố vụ án hình sự, lấy lời khai, thu giữ, tạm giữ và bảo quản vật chứng, tài liệu liên quan trực tiếp đến vụ án, khám người, khám nơi cất giữ hàng hóa trong khu vực kiểm soát của hải quan, chuyển hồ sơ vụ án cho cơ

quan Điều tra có thẩm quyền trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày ra quyết định khởi tố vụ án.

Điều 11 Luật Hải quan qui định: "Hải quan Việt Nam có nhiệm vụ... phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới; tổ chức thực hiện pháp luật về thuế đối với hàng hóa xuất nhập khẩu...". Từ sau sự kiện 11/9 và trong bối cảnh nước ta đang đẩy mạnh hiện đại hóa, hội nhập quốc tế, thì nhiệm vụ đảm bảo an ninh quốc gia, phòng chống khủng bố, an toàn cộng đồng là nhiệm vụ chủ yếu, trước mắt và lâu dài của CQHQ. Đây cũng là xu hướng chung của hải quan các nước trên thế giới khi nhiệm vụ bảo vệ an ninh ngày càng được chú trọng mà nếu không được trao thẩm quyền điều tra thì sẽ không thể hoàn thành được nhiệm vụ.

Thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, theo đó "... Tổ chức lại cơ quan điều tra theo hướng ... kết hợp chặt chẽ giữ công tác trinh sát và hoạt động điều tra tố tụng...". Nâng cao hiệu quả hoạt động điều tra của CQHQ có tác dụng nâng cao tính chuyên môn hóa trong hoạt động điều tra đối với lĩnh vực xuất nhập khẩu, thương mại quốc tế. Các vụ án CQHQ khởi tố điều tra và các hoạt động điều tra đã nâng cao tính răn đe, phòng ngừa buôn lậu, từng bước nâng cao trình độ nghiệp vụ, tích lũy kinh nghiệm, tài liệu, hồ sơ của các đơn vị chuyên trách điều tra của CQHQ,...; đồng thời làm giảm tình trạng quá tải của CQĐT Công an.

Hải quan Việt Nam là thành viên của Tổ chức Hải quan thế giới, từ nhiều năm nay là thành viên của các hiệp định hợp tác hải quan thế giới trong hoạt động hỗ trợ, phối hợp đấu tranh chống tội phạm xuyên quốc gia; thành viên của Hiệp định hải quan ASEAN trong thực thi tuân thủ pháp luật; thành viên của tổ chức tình báo hải quan khu vực châu Á - Thái bình dương... Đồng thời cũng ký kết thực hiện nhiều hiệp định song phương, biên bản ghi nhớ

(MOU) song phương, đa phương với nhiều tổ chức hải quan các nước trong hoạt động phòng, chống buôn lậu, tội phạm trong lĩnh vực hải quan.

Như vậy, việc Hải quan tiến hành điều tra các vụ án buôn lậu có tác dụng phòng ngừa tội phạm rất hiệu quả. Các vụ án đấu tranh không chỉ ngăn chặn được vi phạm, mà còn răn đe đối tượng phạm tội, khắc phục những bất cập về quản lý nhà nước, pháp luật, chính sách liên quan đến đầu tư, kinh doanh, thuế,... qua đó góp phần đảm bảo tuân thủ pháp luật về Hải quan, quản lý mặt hàng, ưu đãi đầu tư, du lịch, góp phần tăng số thu ngân sách nhà nước.

1.2.3. Đặc điểm điều tra vụ án buôn lậu của cơ quan hải quan

Theo qui định của pháp luật hiện hành thì điều tra vụ án buôn lậu của CQHQ có các đặc điểm sau:

Thứ nhất, CQHQ chỉ có quyền khởi tố và tiến hành một số hoạt động điều tra hình sự đối với tội buôn lậu, tội vận chuyển trái phép hàng hoá qua biên giới và tội sản xuất, buôn bán hàng cấm.

Thứ hai, đối với tội phạm ít nghiêm trọng trong trường hợp phạm tội quả tang, chứng cứ và lai lịch người phạm tội rõ ràng, CQHQ có quyền khởi tố vụ án, tiến hành điều tra vụ án cho đến khi kết thúc điều tra, chuyển hồ sơ cho VKS để truy tố.

- Tội phạm ít nghiêm trọng: những trường hợp phạm tội thuộc khoản 1 Điều 188, BLHS năm 2015.

- Phạm tội quả tang: đó là trường hợp người phạm tội đang thực hiện hành vi phạm tội (người đang thực hiện hành vi được mô tả trong cấu thành tội phạm buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hoá qua biên giới, như: xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá không khai báo hải quan hoặc khai báo gian dối trong quá trình làm thủ tục hải quan; xuất khẩu, nhập khẩu hàng cấm hoặc mang hàng hoá trái phép qua biên giới v.v...); hoặc ngay sau khi thực hiện tội phạm thì bị phát hiện (người thực hiện hành vi tội phạm chưa kịp hoặc đang

cất giấu công cụ, phương tiện phạm tội, đang xoá dấu vết của tội phạm... thì bị phát hiện); hoặc đang bị đuổi bắt sau khi thực hiện tội phạm (ngay sau khi thực hiện hành vi phạm tội thì bị Hải quan phát hiện nên đã chạy trốn và bị Hải quan truy đuổi. Việc truy đuổi phải thực hiện ngay sau khi có hành vi chạy trốn thì mới được coi là phạm tội quả tang).

- Chứng cứ rõ ràng: điều kiện chứng cứ rõ ràng được xác định khi thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, kiểm soát, CQHQ phát hiện hành vi vi phạm, thu giữ, tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm. Qua những tang vật, phương tiện vi phạm chứng minh được hành vi vi phạm và đối tượng vi phạm thừa nhận hành vi vi phạm của mình.

- Lai lịch người phạm tội rõ ràng: tại thời điểm phát hiện hành vi phạm tội, CQHQ xác định được nơi cư trú của người phạm tội, nhân thân người phạm tội, hoàn cảnh gia đình, hoàn cảnh kinh tế của người phạm tội.

Thứ ba, đối với trường hợp phạm tội nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng hoặc tội ít nghiêm trọng nhưng phức tạp, CQHQ có thẩm quyền ra quyết định khởi tố vụ án, lấy lời khai, thu giữ, tạm giữ và bảo quản vật chứng, tài liệu liên quan trực tiếp đến vụ án; khám người, khám nơi oa trừ trong địa bàn hoạt động Hải quan, chuyển hồ sơ vụ án cho CQĐT có thẩm quyền trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày ra quyết định khởi tố vụ án.

- Tội nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng: những trường hợp phạm tội thuộc khoản 2, 3, 4 Điều 188, BLHS năm 2015.

Khi phát hiện các hành vi phạm tội thuộc các loại tội kể trên, CQHQ chỉ có quyền ra quyết định khởi tố vụ án, được tiến hành một số hoạt động điều tra ban đầu, mà không được quyền khởi tố bị can và sau đó phải chuyển cho CQĐT có thẩm quyền để tiếp tục điều tra.

- Đối với tội phạm thuộc loại ít nghiêm trọng, nhưng phức tạp được hiểu là phạm tội buôn lậu thuộc khoản 1 Điều 188, BLTTHS năm 2015. Tuy

nhiên, việc tiến hành điều tra ban đầu có những khó khăn trong việc lấy lời khai, thu thập chứng cứ, cần phải có sự tham gia của CQĐT chuyên trách.

Thứ tư, thẩm quyền điều tra của Hải quan được quy định cho cả 3 cấp từ Tổng cục Hải quan, Cục Hải quan tỉnh, thành phố và Chi cục Hải quan cửa khẩu.

Theo Điều 33 Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự thì những người có quyền khởi tố vụ án và tiến hành các hoạt động điều tra gồm: Cục trưởng Cục Điều tra CBL, Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu.

1.2.3. Một số hoạt động điều tra của cơ quan hải quan

- Khám người, khám nơi oa trữ hàng hóa trong địa bàn hoạt động hải quan: là hoạt động TTHS của CQHQ bằng cách tìm tòi, lục soát, kiểm tra, đối chiếu có định hướng nhằm phát hiện, thu thập công cụ, phương tiện phạm tội, đồ vật, tài sản do phạm tội mà có, đồ vật tài liệu khác có liên quan đến vụ án.

Đây là một biện pháp rất quan trọng nhằm tìm kiếm dấu vết của tội phạm, vật chứng hoặc những đồ vật, tài liệu liên quan đến vụ án. Việc khám xét chỉ được tiến hành khi có căn cứ nhận định trong người, nơi oa trữ trong địa bàn hoạt động hải quan có công cụ, phương tiện phạm tội, đồ vật, tài sản do phạm tội mà có, đồ vật tài liệu khác có liên quan đến vụ án.

Khi khám xét, nếu phát hiện tang vật, phương tiện vi phạm thì CQHQ phải ra quyết định tạm giữ và bảo quản vật chứng để làm căn cứ xử lý vụ án. Các vật chứng là hàng hoá buôn lậu, ngoại tệ và các đồ vật khác liên quan đến vụ án; phương tiện vận chuyển hàng hoá vi phạm; tài liệu, chứng từ chứng minh nguồn gốc lô hàng. Người có thẩm quyền khởi tố vụ án ra quyết định tạm giữ vật chứng.

- Lấy lời khai: sau khi phát hiện hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hoá qua biên giới, CQHQ tiến hành lấy lời khai người thực hiện hành vi

vi phạm. Đây là một biện pháp nhằm củng cố, thu thập tài liệu, chuyển hoá tài liệu trình sát thành chứng cứ pháp lý để xác định tính chất, mức độ vi phạm làm căn cứ khởi tố vụ án, khởi tố bị can. Việc lấy lời khai ban đầu chủ yếu tập trung các vấn đề: lý lịch, nhân thân của người vi phạm; quá trình bóc xếp, vận chuyển hàng hoá qua biên giới; số lượng, chủng loại, nguồn gốc xuất xứ của hàng hoá vi phạm; vị trí, vai trò của các đối tượng trong vụ án; động cơ, mục đích hoạt động của các đối tượng.

- Khởi tố bị can: theo Điều 33 Luật tổ chức CQĐT hình sự thì CQHQ chỉ tiến hành khởi tố bị can đối với các đối tượng phạm tội trong trường hợp phạm tội quả tang, chứng cứ và lai lịch người phạm tội rõ ràng, ít nghiêm trọng.

Từ khi BLTTHS năm 2003 được ban hành đến nay, CQHQ chưa tiến hành khởi tố bị can với bất kỳ một đối tượng nào. Theo quy định của pháp luật thì thời hạn điều tra của CQHQ tối đa là 20 ngày, trong điều kiện CQHQ không có thẩm quyền tạm giữ người, tạm giam bị can, nên việc điều tra gặp rất nhiều khó khăn. Đó là một trong những nguyên nhân mà CQHQ không tiến hành khởi tố bị can, mà chỉ khởi tố vụ án và chuyển luôn cho CQĐT. Khắc phục tình trạng này, tại khoản 1 Điều 33 Luật tổ chức CQĐT hình sự đã qui định thời hạn điều tra là 01 tháng.

- Trung cầu giám định: trong các vụ án buôn lậu, kết quả trung cầu giám định có ý nghĩa hết sức quan trọng tới kết quả điều tra, xử lý. CQHQ cần trung cầu giám định các loại hàng hóa (về chủng loại, chất lượng, qui cách,...); giám định chữ ký, con dấu khi có nghi ngờ chứng từ, tài liệu có trong hồ sơ hải quan là giả như C/O, hợp đồng...

- Ngoài các hoạt động điều tra nêu trên, CQHQ còn có quyền tiến hành các hoạt động điều tra như đối chất, nhận dạng, yêu cầu các cơ quan tổ chức cung cấp tài liệu, chứng từ... liên quan đến vụ án.

- Kết thúc điều tra, đối với tội phạm ít nghiêm trọng trong trường hợp

phạm tội quả tang, chứng cứ và lai lịch người phạm tội rõ ràng thì CQHQ phải ra kết luận điều tra đề nghị truy tố hoặc quyết định đình chỉ điều tra vụ án. CQHQ phải gửi bản kết luận điều tra cho VKSND cùng cấp để xem xét truy tố hoặc đình chỉ điều tra vụ án trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày khởi tố vụ án. Đối với tội phạm nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng hoặc tội phạm ít nghiêm trọng nhưng phức tạp thì phải có báo cáo kết quả điều tra, trong đó nêu rõ các biện pháp điều tra đã tiến hành, các giả thiết, các phương án điều tra đã thực hiện, kết quả điều tra, những vấn đề cần tiếp tục làm rõ và chuyển hồ sơ vụ án cho CQĐT có thẩm quyền trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày khởi tố vụ án.

Như vậy, qua nghiên cứu các quy định của pháp luật về thẩm quyền điều tra của Hải quan cho thấy: thẩm quyền điều tra tội phạm mà pháp luật quy định cho CQHQ là rất hạn chế so với tình hình tội phạm xảy ra trong lĩnh vực hoạt động của hải quan. Mặc dù BLTTHS năm 2015 và Luật tổ chức CQĐT hình sự năm 2015 đã bổ sung tương đối đầy đủ về thẩm quyền, thời hạn điều tra, nhưng công tác điều tra vụ án buôn lậu của CQHQ vẫn rất khó khăn.

1.2.4. Mối quan hệ của cơ quan hải quan với Viện kiểm sát nhân dân, Cơ quan điều tra khác trong điều tra vụ án buôn lậu

- Theo quy định tại Điều 11 Luật tổ chức CQĐT hình sự năm 2015 thì VKSND kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động điều tra nhằm bảo đảm hoạt động điều tra của CQHQ tuân thủ các quy định của BLTTHS. VKSND có quyền yêu cầu CQHQ khắc phục vi phạm pháp luật trong hoạt động điều tra. Như vậy, mối quan hệ giữa CQHQ với VKSND là mối quan hệ giữa cơ quan kiểm sát và cơ quan chịu sự kiểm sát trong quá trình điều tra vụ án hình sự. CQHQ phải thực hiện những yêu cầu, quyết định của VKSND theo quy định của BLTTHS. [19, tr 10]

- Theo quy định tại Điều 40 Luật tổ chức CQĐT hình sự năm 2015 thì mối quan hệ giữa CQĐT của Công an và CQHQ, giữa CQHQ và các cơ quan được giao tiến hành một số hoạt động điều tra khác như Bộ đội biên phòng, Cảnh sát biển là quan hệ phân công và phối hợp [19, tr 42]. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, nếu phát hiện hành vi buôn lậu đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự thì CQHQ tiến hành khởi tố vụ án, tiến hành một số hoạt động điều tra, sau đó chuyển vụ án cho CQĐT có thẩm quyền. Còn CQĐT, nếu phát hiện hành vi buôn lậu đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự thì trong phạm vi trách nhiệm, quyền hạn của mình có quyền khởi tố vụ án, tiến hành các hoạt động điều tra. Trong quá trình điều tra, CQĐT có thể phối hợp với CQHQ để nghiên cứu hồ sơ, phân tích chứng cứ... Hiện nay các CQĐT có mối quan hệ thường xuyên với CQHQ là Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra, Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế và chức vụ, Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về buôn lậu và một số cơ quan An ninh điều tra.

Đối với những trường hợp CQHQ phát hiện hành vi vi phạm đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, mà vụ việc đó đang do CQĐT thụ lý thì CQHQ chuyển các thông tin cho CQĐT để củng cố chứng cứ, tiến hành hoạt động điều tra. Ngược lại, đối với những vụ việc mà CQHQ đang thụ lý (kể cả đang điều tra trình sát) thì CQĐT có thể chuyển giao các thông tin, hồ sơ... cho CQHQ và phối hợp làm rõ. Tuy nhiên, trong trường hợp cần thiết, CQĐT có thẩm quyền có quyền yêu cầu cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra chuyển ngay hồ sơ vụ án để trực tiếp điều tra. Các yêu cầu của CQĐT có giá trị bắt buộc thi hành đối với cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra.

Bộ đội biên phòng, Cảnh sát biển và CQHQ tuy có chức năng, nhiệm vụ khác nhau, nhưng đều hoạt động ở các khu vực cửa khẩu, biên giới và có một nhiệm vụ chung là phòng, chống buôn lậu. Để công tác phòng, chống

buôn lậu đạt kết quả cao thì đòi hỏi các lực lượng này phải thường xuyên trao đổi thông tin, phối hợp trong công tác bắt giữ, xử lý.

Do vậy, trong hoạt động điều tra hình sự, ngoài mối quan hệ phối hợp với CQĐT, với VKSND, Hải quan còn có mối quan hệ phối hợp với các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, như Bộ đội biên phòng, Cảnh sát biển... trong việc tiếp nhận, trao đổi và xử lý thông tin; phối hợp trong hoạt động tuần tra, kiểm soát; phối hợp trong công tác phát hiện, ngăn chặn, điều tra, xử lý.

Kết luận Chương 1

Từ những nghiên cứu dưới góc độ lý luận và cơ sở pháp lý, Chương 1 của luận văn đã làm rõ được khái niệm của tội buôn lậu theo pháp luật hình sự Việt Nam, các dấu hiệu pháp lý cơ bản của tội buôn lậu; khái niệm, đặc điểm về điều tra vụ án buôn lậu của CQHQ. Trong đó, luận văn đã nghiên cứu lịch sử hình thành qui định về thẩm quyền điều tra của CQHQ qua các thời kỳ trong 70 năm qua; phân tích, so sánh sự hình thành và phát triển các quy phạm về tội buôn lậu của pháp luật hình sự, TTHS; nghiên cứu đặc điểm và một số hoạt động điều tra vụ án buôn lậu của CQHQ, mối quan hệ giữa CQHQ với các CQĐT, VKS,...

Những vấn đề lý luận nêu trên là một bộ phận của luận văn, là cơ sở trong việc phân tích, đánh giá thực tiễn tình hình và kết quả tổ chức hoạt động điều tra vụ án buôn lậu của CQHQ trong 05 năm gần đây tại Chương 2. Đồng thời là cơ sở đưa ra những giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động điều tra vụ án buôn lậu của CQHQ tại Chương 3.

Chương 2

THỰC TRẠNG ĐIỀU TRA CÁC VỤ ÁN BUÔN LẬU CỦA CƠ QUAN HẢI QUAN

2.1. Tình hình, đặc điểm của tội phạm buôn lậu hiện nay

2.1.1. Diễn biến tình hình tội phạm buôn lậu

2.1.1.1. Tình hình tội phạm buôn lậu diễn ra phức tạp, nghiêm trọng trên tất cả các các tuyến, địa bàn của nước, trọng điểm là:

- Tuyến biên giới đường bộ tập trung ở khu vực cửa khẩu Móng Cái, Hoàn Mô, Bắc Phong Sinh, đường biên từ Km1 đến Km3 phường Ka Long, thành phố Móng Cái (tỉnh Quảng Ninh); cửa khẩu Tân Thanh, Cốc Nam, Hữu Nghị, Chi Ma, Ga đường sắt liên vận quốc tế (tỉnh Lạng Sơn); cửa khẩu Tà Lùng, Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng); cửa khẩu quốc tế Lào Cai; cửa khẩu quốc tế Nậm Cắn (tỉnh Nghệ An); cửa khẩu Cha Lo (tỉnh Quảng Bình); cửa khẩu Cầu Treo (tỉnh Hà Tĩnh); cửa khẩu Lao Bảo, Khu kinh tế thương mại đặc biệt Lao Bảo (tỉnh Quảng Trị); cửa khẩu Thường Phước (tỉnh Đồng Tháp); khu vực xã Vĩnh Nguơn, thị xã Châu Đốc giáp Gò Tà Mâu - Campuchia, thị trấn Tịnh Biên, khu vực cửa khẩu Vĩnh Xương, huyện Tân Châu (tỉnh An Giang); cửa khẩu Mộc Bài, Xa Mát thuộc tỉnh Tây Ninh; cửa khẩu Bình Hiệp, Mỹ Quý Tây (tỉnh Long An); cửa khẩu Hà Tiên (tỉnh Kiên Giang);...

- Tuyến đường biển là khu vực cảng Chùa Vẽ, Đoạn Xá, Green Port, Đình Vũ (thành phố Hải phòng); cảng Cái Lân, Vạn Gia (tỉnh Quảng Ninh), cảng Cửa Lò (tỉnh Nghệ an), cảng Kỳ Hà (tỉnh Quảng Nam), cảng Tiên Sa (thành phố Đà Nẵng), các cảng thuộc các tỉnh Bình Định, Phú Yên, Bà Rịa - Vũng Tàu; bãi tập kết container, kho tập kết hàng hoá xuất nhập khẩu, kho CFS, kho ngoại quan, nơi tàu thuyền neo đậu và xếp dỡ hàng hoá trên sông từ ICD Phước Long đến ngã 3 Bình Khánh – Nhà Bè , tuyến đường vận chuyển

nội bộ từ Cát Lái về Tân cảng, từ cảng Hiệp Phước đến các cảng đích (thành phố Hồ Chí Minh)... Vùng biển Đông Bắc bộ, Bắc Miền trung và Tây Nam.

- Trên tuyến hàng không, tội phạm buôn lậu xảy ra tại các cửa khẩu sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, Nội Bài, chuyển phát nhanh Fedex, DHL, Bưu điện trung tâm thành phố Hồ Chí Minh; trạm trả hàng Fedex – Hà Nội, ICD Mỹ Đình, các chuyến bay trọng điểm đi Úc, Đài Loan, Hồng Kông, Trung Quốc, các tuyến bay nhập cảnh từ Thái Lan, Lào, Campuchia, Hồng Kông, Pháp, Mỹ, Nhật, Singapore, Ấn Độ, Pakistan, Malaysia, các nước châu Phi,...

2.1.1.2. Phương thức, thủ đoạn hoạt động của đối tượng buôn lậu chủ yếu là vận chuyển hàng hóa lén lút qua các đường mòn, lối mở, kênh, rạch, sông biên giới; thuê, mướn, gán trách nhiệm vật chất đối với các đối tượng vận chuyển hàng lậu. Sử dụng phương tiện vận tải là ô tô, xe máy hoán cải, gia cố vách ngăn, hầm hàng bí mật để ngụy trang. Các đối tượng buôn lậu cũng lợi dụng chính sách ưu đãi tại các khu kinh tế cửa khẩu, định mức miễn thuế của hàng hóa trao đổi cư dân biên giới, lợi dụng tạm nhập tái xuất, trung chuyển, chuyển khẩu.

Tại các cửa khẩu, các thủ đoạn phổ biến của đối tượng buôn lậu là gian lận trong khai báo hải quan, quản lý về tiêu chuẩn chất lượng, xuất xứ hàng hóa,... cất giấu hàng hoá trong người, trong hành lý không khai báo khi xuất cảnh, nhập cảnh; tách bill, chia nhỏ số lượng hàng hóa, gửi về nhiều địa chỉ khác nhau nhưng thực chất chỉ có một người nhận; lợi dụng định mức miễn thuế, hàng quà biếu, quà tặng để vận chuyển trái phép hàng lậu; sử dụng hồ sơ, chứng từ giả như hợp đồng, vận đơn, CO,...

2.1.2. Đặc điểm tội phạm buôn lậu

Qua nghiên cứu các vụ buôn lậu do cơ quan hải quan phát hiện, bắt giữ, có thể rút ra một số đặc điểm về tội phạm buôn lậu như sau:

2.1.2.1. Về đối tượng phạm tội:

Các đối tượng buôn lậu là cư dân biên giới, thạo ngôn ngữ, địa bàn, có quan hệ với các đối tượng buôn bán là người nước ngoài; lao động tự do, "cửu vạn", thanh niên không có việc làm ổn định, có tiền án, tiền sự, người nghiện ma túy; tiểu thương thường xuyên có hoạt động buôn bán, trao đổi hàng hóa ở khu vực biên giới; lái xe hoặc chủ xe tải, xe khách thường xuyên qua lại các cửa khẩu; người nước ngoài, người Việt Nam mang quốc tịch nước ngoài thường xuyên qua lại biên giới.

Nhiều đối tượng vi phạm là cán bộ, nhân viên thuộc các doanh nghiệp kinh doanh loại hình kho ngoại quan, doanh nghiệp thường xuyên xuất nhập hàng hóa qua kho ngoại quan, doanh nghiệp kinh doanh loại hình tạm nhập tái xuất, chuyển cửa khẩu; doanh nghiệp gia công, lắp ráp, sản xuất hàng xuất khẩu; doanh nghiệp thường xuyên đăng ký kiểm tra vào giờ cao điểm, thường xuyên hủy tờ khai xuất khẩu đã được phê duyệt kiểm tra; cá nhân, doanh nghiệp từng bị phát hiện sử dụng thủ đoạn gian lận để buôn lậu, trốn thuế,...

Tại các cảng Hàng không quốc tế, đối tượng buôn lậu tập trung vào nhóm phi công, tiếp viên hàng không, nhân viên làm việc trên chuyến bay; hướng dẫn viên du lịch, đối tượng lợi dụng mang hộ chiếu ngoại giao; hành khách xuất nhập cảnh nhiều lần trên cùng tuyến bay với mục đích không rõ ràng; đối tượng thường xuyên gửi, nhận hàng hóa qua đường hàng không, bưu điện.

Các đối tượng đầu nậu buôn lậu, những tên cầm đầu, tổ chức điều hành những đường dây buôn lậu có quy mô lớn, phân công vai trò chặt chẽ ở các khâu (đưa hàng qua biên giới, làm thủ tục hải quan, vận chuyển trên đường, kho bãi tập kết,...); có sự móc nối với cán bộ cơ quan chức năng. Ví dụ: như một số vụ liên quan đến hoàn thuế VAT ở An Giang năm 2015,... Một số trường hợp, đầu nậu còn móc nối với các đối tượng nước ngoài để hợp thức hóa hóa đơn chứng từ (chủ yếu giả chứng từ để vi phạm về giá, mã hàng, xuất

xứ, phẩm cấp, chất lượng, qui cách,...), thu gom hàng lậu.

Một số đối tượng là người nước ngoài, việt kiều, du học sinh, khách du lịch, xuất khẩu lao động,... Số đối tượng này thường hoạt động buôn lậu, vận chuyển ma túy, tài liệu phản động, đồ điện tử, hàng xa xỉ cao cấp, ngoại tệ, vàng,...

2.1.2.2. Về tính chất, thủ đoạn, qui mô, mặt hàng buôn lậu

Nhiều vụ buôn lậu ảnh hưởng đến an ninh kinh tế, an toàn công cộng; có qui mô, tính chất vi phạm nghiêm trọng hơn. Trong 5 năm phát hiện, bắt giữ 5.634 vụ liên quan đến buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, trị giá hàng hóa vi phạm ước 1.347 tỷ đồng; thu giữ 428kg heroin, 153 kg và 258 nghìn viên ma túy tổng hợp, 1.588 khẩu súng 161.480 viên đạn, 245kg thuốc nổ, 18,6 tấn ngà voi, 215 kg sừng tê giác, 242 cỗ vật, 3.435 tài liệu phản động,.. [22]

Nhiều vụ buôn lậu, vận chuyển trái phép các mặt hàng trọng điểm ảnh hưởng đến sự phát triển ổn định của nền kinh tế vĩ mô, sự cạnh tranh lành mạnh của thị trường trong nước như: rượu, thuốc lá, xăng dầu, vàng, ngoại tệ, tiền giả,... cũng bị chặn đứng hiệu quả. Một số vụ buôn lậu nghiêm trọng, qua điều tra đã thu giữ gồm: 41,4kg vàng, 2 triệu 026 nghìn USD, gần 2 triệu bao thuốc lá, 2,2 triệu lít xăng, gần 1 triệu lít dầu,... [22]

Thời gian gần đây, nổi lên hiện tượng buôn lậu, vận chuyển trái phép các chất thải, sản phẩm thực phẩm độc hại, gây ô nhiễm môi trường, sức khỏe cộng đồng. Kết quả từ các chuyên đề, kế hoạch tăng cường kiểm soát đã bắt giữ được 14.646,66 tấn phế liệu, 2.312 tấn ắc quy chì, 777.300,8 kg thực phẩm đông lạnh và 106.299 kg thịt gia cầm thải loại,... [22]

Buôn lậu tập trung lợi dụng bất cập, sơ hở của chính sách và hạn chế trong công tác quản lý nhà nước, gây hậu quả lớn, nổi lên là: hiện tượng lợi dụng ưu đãi định mức hàng miễn thuế đối với cư dân biên giới; quay vòng

hàng hóa xuất nhập khẩu vào khu kinh tế cửa khẩu để hưởng ưu đãi thuế; sử dụng xe ô tô đăng ký khu kinh tế cửa khẩu, nhưng lưu hành nội địa; kinh doanh tạm nhập tái xuất; chính sách khai thác, quản lý than, quặng bị lợi dụng để buôn lậu diễn ra phức tạp. Điển hình như các vụ buôn lậu xăng dầu tạm nhập tái xuất 1,6 triệu lít Do tại Thanh Hóa năm 2012; vụ 130 triệu lít A95 tại Bình Thuận năm 2016; vụ gian lận xuất xứ Việt Nam (C/O) nhằm hưởng thuế suất ưu đãi của Công ty Tiahua tại Đồng Nai. [22]

2.1.2.3. Nguyên nhân, điều kiện phát sinh buôn lậu

Một là, lợi nhuận từ việc trốn được tiền thuế phải nộp. Theo qui luật cung cầu của thị trường, với cùng một mặt hàng, thì hàng có giá thấp sẽ được tiêu thụ nhanh và lợi nhuận lớn. Các mặt hàng buôn lậu thường là hàng có thuế suất thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt.

Do chính sách quản lý mặt hàng của quốc gia. Có những hàng hoá Nhà nước cấm nhập hoặc quản lý chặt chẽ không cho xuất/nhập khẩu hoặc xuất/nhập khẩu có điều kiện như thuốc lá, tân dược, xăng dầu... hay một số mặt hàng không được phép xuất khẩu mà có thể mang lại siêu lợi nhuận như than, xăng dầu, quặng... Với mỗi quốc gia, những chính sách về xuất, nhập khẩu hàng hoá là khác nhau. Chính vì vậy, hoạt động buôn lậu ra đời và phát triển như một bộ phận tất yếu, dù là một bộ phận phi pháp của nền kinh tế quốc dân.

Hai là, hoạt động buôn lậu phát sinh khi luôn có sự chênh lệch về lợi thế so sánh (về nhân công, vị trí địa lý, ưu đãi thuế, đầu tư, du lịch, tập quán tiêu dùng hàng ngoại,...). Tại Việt Nam, các mặt hàng Việt Nam không sản xuất, đã bị buôn lậu như hàng điện tử cao cấp, điện thoại di động, quần áo, hàng thời trang xa xỉ, mỹ phẩm, thuốc lá, rượu ngoại, điện thoại,...

Ba là, do trình độ phát triển kinh tế xã hội ở các vùng miền, khu vực biên giới thường rất thấp, đời sống khó khăn, trình độ dân trí thấp, dẫn đến người dân bị các đối tượng buôn lậu lôi kéo tiếp tay.

Bốn là, cơ chế chính sách, pháp luật, công tác quản lý nhà nước còn nhiều bất cập, dễ bị các đối tượng buôn lậu lợi dụng để trục lợi. Bên cạnh đó là một bộ phận cán bộ quản lý không đủ trình độ, phẩm chất, thoái hóa cũng vì lợi nhuận và lợi ích cá nhân mà tiếp tay thêm cho hành vi vi phạm này.

2.2. Kết quả điều tra các vụ án buôn lậu của cơ quan Hải quan

2.2.1. Kết quả

Trong 5 năm vừa qua, từ năm 2011 đến năm 2015 kết quả phát hiện, bắt giữ, xử lý như sau:

Tổng số vụ vi phạm bị phát hiện bắt giữ: 104.055 vụ;

Trị giá hàng hóa vi phạm ước tính: 2.586 tỷ đồng;

Trong đó xử lý khởi tố hình sự: 444 vụ

(Nguồn Tổng cục Hải quan [22])

Bảng 2.1. Thống kê về kết quả điều tra, xử lý các vụ án buôn lậu của CQHQ từ năm 2011 đến năm 2015:

Cơ quan khởi tố/năm	Tổng	2011	2012	2013	2014	2015
Hải quan khởi tố	115	08	19	30	24	34
Cơ quan khác khởi tố	329	75	63	47	50	94
Tổng cộng:	444	83	82	77	74	128

Nguồn Tổng cục Hải quan [22]

Bảng 2. 2. Chi tiết theo từng địa phương:

TT	Đơn vị khởi tố	2011		2012		2013		2014		2015	
		HQ	Khác	HQ	Khác	HQ	Khác	HQ	Khác	HQ	Khác
1	Điện Biên		14		15		5		19		26
2	Hà Giang				1		1				
3	Lào Cai		1		3		4		2		7

4	Cao Bằng		12		15		13		1		1
5	Lạng Sơn		5		11		10				7
6	Quảng Ninh	1	15	7		5		5	10	3	34
7	Hà Nội										
8	Hải Phòng	1	2	2		7	1	2	1	6	2
9	Thanh Hóa										
10	Nghệ An		21		14				7	1	
11	Hà Tĩnh						1				
12	Quảng Bình		3			3			3		11
13	Quảng Trị	2		1	1		2	2			
14	TT- Huế										
15	Đà Nẵng				1						
16	Quảng Nam										
17	Quảng Ngãi										
18	Bình Định										
19	Khánh Hòa										
20	G.Lai-K.Tum										3
21	Đắk Lắk										
22	Bình Dương										
23	Bình Phước										
24	Tây Ninh			1	1	1	3	3	2	5	2
25	Long An										
26	Đồng Tháp	1						2	1	1	
27	An Giang				1		5		3	1	1
28	Kiên Giang		1								
29	TP.HCM	1		2					1		
30	Đồng Nai										
31	Cần Thơ										
32	B.Rịa-VTàu										
33	Bắc Ninh										
34	Cà Mau										
35	Cục ĐTCBL	2	1	6		14	2	10		17	
TỔNG CỘNG		8	75	19	63	30	47	24	50	34	94

Nguồn Tổng cục Hải quan [22]

2.2.2. Đánh giá kết quả

Qua tổng hợp, thống kê, nghiên cứu về kết quả điều tra vụ án hình sự của CQHQ trong những năm vừa qua, có thể rút ra một số nhận xét như sau:

2.2.2.1. Từ năm 2011 đến năm 2015, các CQHQ đã phát hiện, bắt giữ, khởi tố 115 vụ án hình sự, chuyển cơ quan khác khởi tố 329 vụ án hình sự. Trong đó có nhiều vụ nghiêm trọng như buôn lậu xe vũ khí, ô tô, vắc xin phòng dịch, khoáng sản, gỗ, động vật hoang dã,... ngoài ra, hàng năm đều bắt giữ, thực hiện một số hoạt động điều tra ban đầu và chuyển cho cơ quan Công an, Bộ đội Biên phòng hàng trăm vụ án về ma túy, chất nổ, tài liệu có nội dung phản động.

Tuy nhiên, số vụ khởi tố còn rất ít (trung bình khoảng 0,5 % tổng số vụ vi phạm trong lĩnh vực hải quan bị phát hiện, bắt giữ hàng năm); không có vụ án nào có khởi tố bị can. Có nhiều đơn vị trong 5 năm chưa tiến hành khởi tố vụ án nào, trong đó có những đơn vị quản lý địa bàn phức tạp như Hà Nội, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Dương,...

2.2.2.2. Hoạt động điều tra của CQHQ đã được tổ chức trên tất cả các mặt từ kiện toàn lực lượng chuyên trách từ trung ương đến cơ sở, đến xây dựng cơ sở pháp lý, hệ thống các biện pháp nghiệp vụ, đầu tư trang thiết bị chuyên dụng,... cụ thể là:

Đã hình thành tổ chức hệ thống các đơn vị chuyên trách thực hiện công tác điều tra ở các cấp. Bên cạnh đó, còn có các đơn vị nghiệp vụ tham mưu phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành hoạt động điều tra (tại Tổng cục Hải quan là cục Điều tra CBL, tại cục Hải quan tỉnh, thành phố là đội Kiểm soát hải quan, phòng Tham mưu CBL). Lực lượng chuyên trách này với hơn 2000 cán bộ, được kế thừa nhiều lớp thế hệ, đào tạo từ các trường chuyên ngành An ninh, Cảnh sát của Công an và Quân đội.

Căn cứ vào Quyết định số 02/2010/QĐ-TTg ngày 15/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính, Tổng cục Hải quan đã ban hành các quyết

định triển khai, thì mô hình tổ chức bộ máy của các đơn vị hải quan chuyên trách CBL được tổ chức như sau:

- Cục Điều tra CBL trực thuộc Tổng cục Hải quan, gồm 14 đơn vị: 04 phòng tham mưu nghiệp vụ, 01 phòng công tác đảm bảo, 03 đội Kiểm soát hải quan (3 miền); 01 đội Kiểm soát ma túy, 01 đội sở hữu trí tuệ và hàng giả, 03 hải đội, 01 trung tâm huấn luyện chó nghiệp vụ.

- Cục Hải quan tỉnh, thành phố gồm các đơn vị: đội Kiểm soát Hải quan (36 đội); đội Kiểm soát phòng, chống ma túy (12 đội); phòng Tham mưu CBL và xử lý vi phạm (22 phòng); tổ Tham mưu xử lý vi phạm và thu thập thông tin nghiệp vụ hải quan thuộc Phòng nghiệp vụ (đối với nơi không có phòng - 13 tổ). Có 02 tỉnh có đội Kiểm soát hải quan trên biển, các tỉnh có biển, sông còn lại có tổ Kiểm soát hải quan trên biển, trên sông thuộc đội Kiểm soát hải quan.

- Chi cục Hải quan cửa khẩu và tương đương gồm các đơn vị: tổ Kiểm soát hải quan; tổ Kiểm soát phòng, chống ma túy; đơn vị được giao nhiệm vụ kiểm soát hải quan tại Chi cục Hải quan nơi không thành lập tổ Kiểm soát hải quan.

2.2.2.3. Cơ sở pháp lý hoạt động nghiệp vụ và điều tra vụ án buôn lậu của CQHQ từng bước được hoàn thiện

Hệ thống pháp luật hình sự, TTHS về tội phạm buôn lậu và hoạt động điều tra vụ án buôn lậu của CQHQ, cũng như pháp luật xử lý vi phạm hành chính liên quan đến thẩm quyền, biện pháp nghiệp vụ thu thập thông tin, điều tra xác minh, ngăn chặn, tạm giữ, xử lý,... đã được cấp có thẩm quyền ban hành và đang có hiệu lực. Hiện nay, có thể khái quát các cơ sở pháp lý cho hoạt động nghiệp vụ và điều tra vụ án buôn lậu của CQHQ như sau:

Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23/6/2014; Nghị định số 01/2015/NĐ-CP ngày 02/01/2015 quy định chi tiết phạm vi địa bàn hoạt động hải quan; trách nhiệm phối hợp trong phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái

phép hàng hóa qua biên giới (thay thế Nghị định số 107/2002/NĐ-CP ngày 23/12/2002 của Chính phủ); Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; Quyết định số 65/2004/QĐ-TTg ngày 19/4/2004 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động của lực lượng Hải quan chuyên trách CBL, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới; Thông tư số 102/2005/TT-BTC ngày 21/11/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quy chế hoạt động của lực lượng hải quan chuyên trách phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới; Quyết định số 1882/QĐ-TCHQ ngày 29/11/2005 Ban hành quy định về các biện pháp nghiệp vụ kiểm soát hải quan...

Hiện nay, Tổng cục Hải quan đã trình Bộ Tài chính ban hành các văn bản gồm: Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành qui định các biện pháp nghiệp vụ kiểm soát hải quan; Thông tư qui định chế độ đảm bảo thực hiện các biện pháp nghiệp vụ kiểm soát hải quan để tổ chức thực hiện trong thời gian tới.

2.2.2.4. Tổ chức các hoạt động nghiệp vụ theo hệ thống từ khâu trình sát đến khởi tố, điều tra vụ án

Thực tế từ nhiều năm nay, các đơn vị hải quan các cấp đã triển khai các biện pháp nghiệp vụ từ vận động quần chúng tham gia phòng, chống buôn lậu, điều tra cơ bản tại địa bàn, tuần tra kiểm soát, xây dựng, sử dụng cơ sở bí mật, suu tra, trình sát nội, ngoại tuyến, đấu tranh chuyên án,... kết quả tính từ 2010 đến năm 2015 CQHQ đã tiến hành lập hơn 2000 hồ sơ điều tra nghiên cứu nắm tình hình, đưa vào diện suu tra hơn 2.000 đối tượng, xác lập, tổ chức đấu tranh hơn 100 chuyên án. Đây là nguồn thông tin cơ sở quan trọng để chủ động phát hiện, điều tra tội phạm buôn lậu của CQHQ. [22]

2.3. Những hạn chế trong điều tra vụ án buôn lậu của cơ quan Hải quan

Mặc dù, đã đạt được những kết quả nhất định trong điều tra vụ án buôn lậu, nhưng trong hoạt động của mình CQHQ vẫn đang có một số hạn chế sau đây:

2.3.1. CQHQ chưa thực hiện hết các qui định về thẩm quyền điều tra vụ án hình sự mà pháp luật qui định.

Kết quả nghiên cứu các vụ án CQHQ bắt giữ quả tang có rất nhiều vụ buôn lậu, ra quyết định khởi tố vụ án, nhưng chưa có vụ án nào mà CQHQ tiến hành điều tra toàn bộ vụ án và chuyển cho VKS xem xét, truy tố. Các vụ án CQHQ chỉ tiến hành khởi tố, khám xét, tạm giữ hàng hoá, phương tiện vi phạm, chứng từ về nguồn gốc của lô hàng... và chuyển cho CQĐT để tiếp tục điều tra theo thẩm quyền.

Chi cục Hải quan là đơn vị cơ sở, trực tiếp làm thủ tục hải quan, kiểm tra, kiểm soát hàng hóa xuất nhập khẩu, tuần tra kiểm soát trong địa bàn hoạt động hải quan... Các vụ buôn lậu, gian lận thương mại chủ yếu do Chi cục Hải quan phát hiện và bắt giữ. Tuy nhiên, đến nay, chưa có Chi cục Hải quan nào khởi tố vụ án và tiến hành hoạt động điều tra theo quy định của pháp luật TTHS. Thông thường, khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hải quan đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, các Chi cục cũng chỉ lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan, tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm, tiến hành khám xét theo thủ tục hành chính..., sau đó chuyển hồ sơ vụ việc về Phòng tham mưu xử lý vi phạm và thu thập, xử lý thông tin nghiệp vụ hải quan để làm thủ tục trình lãnh đạo Cục ra quyết định khởi tố hoặc chuyển giao cho CQĐT có thẩm quyền.

Theo quy định của BLTTHS thì sau khi khởi tố vụ án, CQHQ có thẩm quyền tiến hành các hoạt động điều tra. Nhưng trong thực tế, khi xác định vụ việc vi phạm có dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự thì CQHQ trao đổi ý kiến

với VKSND hoặc với CQĐT, sau đó tiến hành khởi tố và chuyển giao vụ án cho CQĐT; hoặc tiến hành xác minh, xác định vụ vi phạm có dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự thì chuyển giao ngay vụ việc cho CQĐT chuyên trách, mà không khởi tố vụ án.

2.3.2. Hệ thống lý luận còn thiếu và chưa có văn bản qui định quy trình thủ tục, hướng dẫn về công tác điều tra vụ án hình sự:

Ở phương diện lý luận cho thấy, đến nay vẫn chưa có các công trình nghiên cứu một cách toàn diện về công tác điều tra của CQHQ và cũng như chưa có các chuyên đề tổng kết thực tiễn thi hành các qui định pháp luật tố tụng hình sự về công tác điều tra của CQHQ đối với các vụ án buôn lậu.

Từ khi BLTTHS năm 2003 và Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự năm 2004 có hiệu lực, ngành Hải quan chưa có văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện thẩm quyền điều tra của Hải quan, trình tự thủ tục tiến hành điều tra một vụ án cho CQHQ các cấp, cũng như ban hành mẫu án chỉ sử dụng trong hoạt động tố tụng trong toàn ngành. Vì vậy, khi điều tra vụ án hình sự, Hải quan còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc về trình tự thủ tục tiến hành.

2.3.3. Nhận thức chưa đầy đủ, chính xác về công tác điều tra của Hải quan dẫn đến hạn chế trong công tác chỉ đạo điều hành, công tác triển khai hoạt động điều tra, công tác bố trí cán bộ làm công tác điều tra...

Thẩm quyền điều tra hình sự của CQHQ có ý nghĩa rất lớn trong công tác phòng ngừa hành vi buôn lậu, gian lận thương mại, chống thất thu thuế... Nhưng nhiều cán bộ, công chức và cả lãnh đạo một số đơn vị chưa nhận thức được đầy đủ và chính xác về vị trí, vai trò của công tác điều tra tội phạm, mà chủ yếu quan tâm nhiều đến vấn đề thu thuế. Do vậy, hoạt động điều tra hình sự của CQHQ không được quan tâm. Trong năm gần đây chỉ có 115 vụ CQHQ khởi tố trên 104.055 vụ vi phạm bị phát hiện là một con số hết sức khiêm tốn, phản ánh sự thiếu hiệu quả từ nhận thức, đến tổ chức thực hiện

công tác điều tra vụ án hình sự.

2.3.4. Quan hệ phối hợp với cơ quan điều tra, VKS và các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra khác chưa được chặt chẽ, hạn chế hiệu quả phát hiện, xử lý và phòng ngừa tội phạm.

Theo quy định tại Điều 28 Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự thì trong trường hợp cần thiết, CQĐT có thẩm quyền có quyền yêu cầu cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra chuyển ngay hồ sơ vụ án để trực tiếp điều tra. Các yêu cầu của CQĐT có giá trị bắt buộc thi hành đối với cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra. Do vậy, đã xảy ra nhiều trường hợp Hải quan đang tiến hành điều tra, xác minh thì CQĐT lại yêu cầu chuyển hồ sơ để nghiên cứu làm cho việc điều tra bị tạm dừng, việc kết luận điều tra phải chờ kết quả từ CQĐT. Vì vậy, vấn đề làm thủ tục hải quan, thông quan hàng hoá bị đình trệ, gây khó khăn cho doanh nghiệp.

Mặt dù pháp luật đã quy định đối với những tội nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng, sau khi khởi tố vụ án thì trong thời hạn 7 ngày phải chuyển cho CQĐT có thẩm quyền. Tuy nhiên, việc chuyển cho CQĐT nào chưa có hướng dẫn cụ thể, do vậy, CQHQ rất lúng túng trong việc chuyển giao và thường mất rất nhiều thời gian, thủ tục trong việc trao đổi, thống nhất cơ quan tiếp nhận.

2.4. Những nguyên nhân của các hạn chế trong điều tra vụ án buôn lậu của cơ quan Hải quan

Qua thực tiễn có thể khái quát những nguyên nhân làm hạn chế, bất cập trong điều tra vụ án buôn lậu của CQHQ:

2.4.1. Tình hình tội phạm buôn lậu gia tăng, diễn biến phức tạp do tác động của các yếu tố chính trị, kinh tế, xã hội:

Các thế lực thù địch đã và đang tiếp tục chống phá cách mạng, chống phá Nhà nước, chế độ xã hội ở nước ta. Các tổ chức phản động lưu vong

chống phá ta quyết liệt, tìm cách đưa người, vũ khí và phương tiện hoạt động tình báo, xâm nhập nội địa, lợi dụng; lợi dụng các dự án hợp tác về kinh tế, văn hoá, khoa học kỹ thuật, giáo dục, luật pháp, y tế và các hoạt động từ thiện, nhân đạo khác để hoạt động. Liên quan đến tình hình này là hoạt động vận chuyển trái phép qua biên giới vũ khí, chất nổ, văn hoá phẩm có nội dung phản động, chống phá nhà nước gia tăng.

Công cuộc đổi mới đã thúc đẩy kinh tế xã hội phát triển, đồng thời bộc lộ nhiều bất cập về cơ chế, chính sách, pháp luật bị các đối tượng lợi dụng để buôn lậu, nhất là các chính sách ưu đãi về đầu tư, thuế. Chính sách điều tiết kinh tế đối với các mặt hàng như xăng dầu, vàng, ngoại tệ, thực phẩm, dược phẩm, vật tư nông nghiệp,... cũng bị lợi dụng. Ví dụ khi có sự chênh lệch về giá xăng dầu giữa Việt Nam và Campuchia thì hoạt động xuất lậu xăng dầu xảy ra ồ ạt, bọn buôn lậu dùng mọi thủ đoạn để vận chuyển trái phép xăng dầu qua biên giới (như vận chuyển qua lối mòn, chở bằng túi ni lông để khi bị bắt thì chọc thủng phi tang...). Khi giá xăng dầu ít chênh lệch thì hoạt động xuất lậu xăng dầu chấm dứt; hoặc trường hợp giá đường trong nước thường cao hơn đường sản xuất từ Thái Lan (do công nghệ sản xuất của Việt Nam lạc hậu, máy móc cũ...).

Sản xuất hàng hóa trong nước chưa đáp ứng tốt nhu cầu tiêu dùng của người dân. Nhất là các mặt hàng tiêu dùng điện tử, điện lạnh, gia dụng, hàng công nghệ cao, ô tô, xe máy. Các mặt hàng nguyên phụ liệu sản xuất như thép, hạt nhựa, vải, hóa chất,... phục vụ sản xuất trong nước chủ yếu vẫn phải nhập của nước ngoài.

Theo Tổng cục thống kê, tỷ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi năm 2015 của cả nước là 2,31% (năm 2013 là 2,18%; năm 2014 là 2,10%). Trong đó, tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực nông thôn là 1,83% (năm 2013 là 1,54%; năm 2014 là 1,49%). Đời sống của một bộ phận nhân dân, nhất là

vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, những vùng bị thiên tai còn rất khó khăn, đã tác động trực tiếp đến sự gia tăng tội phạm nói chung và tội buôn lậu. Theo khảo sát thực tế tại các xã, khu kinh tế cửa khẩu trọng điểm về buôn lậu thì "cửu vạn" đai vác hàng qua đường mòn, lối mở biên giới, xách hàng thuê qua cửa khẩu,... đều là dân nghèo bản địa, hoặc các tỉnh lân cận.

Các tệ nạn xã hội, nhất là tệ nạn ma túy, mại dâm ngày càng diễn biến phức tạp. Các tệ nạn xã hội đã, đang và sẽ là nguyên nhân làm cho tình hình tội phạm tiếp tục gia tăng với tính chất, mức độ nguy hiểm hơn trước.

Cùng với việc gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO) và khu vực mậu dịch tự do (AFTA)... Theo lộ trình thực hiện các cam kết quốc tế, Việt Nam sẽ giảm dần thuế suất đối với một số dũng thuế và dỡ bỏ các hàng rào phi thuế quan, thì lưu lượng hàng hoá xuất nhập khẩu, hành khách xuất nhập cảnh; hoạt động đầu tư, liên doanh, gia công, sản xuất hàng hoá xuất khẩu... gia tăng mạnh mẽ, đồng thời những phương thức, thủ đoạn buôn lậu, gian lận thương mại mang tính quốc tế cũng thâm nhập vào Việt Nam, làm cho hoạt động buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hoá qua biên giới ngày càng phức tạp.

2.4.2. Nguyên nhân về nhận thức

Cán bộ, công chức Hải quan chưa nhận thức đầy đủ về vị trí, vai trò của công tác điều tra vụ án buôn lậu. Đây chính là nguyên nhân cơ bản nhất dẫn đến sự yếu kém trong công tác điều tra của ngành Hải quan. Trong bối cảnh áp lực về thu ngân sách qua thuế xuất nhập khẩu, toàn Ngành đã tập chung cả nhân lực, vật lực cho công tác thu thuế. Vì vậy, công tác điều tra tội phạm chưa được quan tâm đúng mức trong khi pháp luật qui định cho CQHQ thẩm quyền điều tra, là công cụ hữu hiệu trong đấu tranh chống thất thu, góp phần thiết lập trật tự trong lĩnh vực thương mại, bảo vệ an ninh quốc gia và lợi ích cộng đồng.

Từ nhận thức về hoạt động điều tra chưa đầy đủ, chưa chính xác dẫn đến một loạt các nguyên nhân khác: như công tác chỉ đạo điều hành, công tác triển khai hoạt động điều tra, công tác bố trí cán bộ làm nhiệm vụ điều tra, công tác đào tạo...không có hiệu quả. Qua thực tiễn hoạt động phát hiện những bất hợp lý trong quy định về quyền hạn để thực hiện nhiệm vụ điều tra, nhiệm vụ đấu tranh phòng, chống tội phạm nhưng chưa phản hồi tới nhà làm luật, tới cơ quan nhà nước có thẩm quyền để kịp thời bổ sung, sửa đổi.

2.4.3. Quy định của pháp luật hình sự và TTHS chưa phù hợp với thực tế hoạt động của CQHQ.

- BLHS năm 1999 qui định "buôn bán trái phép qua biên giới". BLHS năm 2015 đã mở rộng hơn "buôn bán qua biên giới, hoặc từ khu phi thuế quan và nội địa và ngược lại". Tuy nhiên, vẫn còn chưa rõ ràng trong việc xác định yếu tố "biên giới". Theo Luật Biên giới quốc gia năm 2013 thì biên giới bao gồm đường biên giới, vành đai biên giới và khu vực biên giới. Cả hai Bộ luật đều không qui định cụ thể địa điểm biên giới nào được xác định là cấu thành tội phạm.

Ngoài ra, các hình thức hoạt động xuất nhập khẩu như tạm nhập, tái xuất, quá cảnh,... thì khi qua biên giới, hàng hóa được làm thủ tục hợp pháp. Tuy nhiên trong quá trình vận chuyển nội địa, hàng hóa đó thâm lậu nội địa. Hoặc đối tượng buôn lậu khi bị phát hiện tại khu vực biên giới, nhưng bỏ chạy, CQHQ truy đuổi và bắt được hàng hóa trong nội địa. Do đó trong các trường hợp này, việc xác định yếu tố biên giới rất khó khăn.

- BLHS năm 2015 tại Điều 188 tội buôn lậu và Điều 200 tội trốn thuế có sự trùng lặp, không rõ ràng qui định về hành vi phạm tội. Theo qui định hiện hành, hồ sơ hải quan cũng là hồ sơ thuế. Tại Điều 200 qui định các hành vi cụ thể là hành vi trốn thuế như không khai báo, khai báo sai với thực tế hàng xuất nhập khẩu, không kê khai, hoặc kê khai sai số thuế phải nộp,... đây

cũng là những hành vi trốn tránh sự kiểm tra, kiểm soát của CQHQ đối với hàng hóa xuất nhập khẩu, xâm hại trật tự quản lý trong hoạt động xuất nhập khẩu, là các hành vi cấu thành tội buôn lậu.

- Về các hoạt động điều tra

Theo quy định tại Điều 111 BLTTHS năm 2003 và Điều 20 Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự thì CQHQ có quyền lấy lời khai, thu giữ, tạm giữ và bảo quản vật chứng, tài liệu liên quan trực tiếp đến vụ án, khám người, khám nơi oa trữ trong khu vực kiểm soát của Hải quan, trưng cầu giám định khi cần thiết, khởi tố bị can, tiến hành các biện pháp điều tra khác theo quy định của BLTTHS...

Theo quy định tại Chương XI BLTTHS năm 2003 thì việc lấy lời khai người làm chứng, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có nghĩa vụ quyền lợi liên quan.... do điều tra viên hoặc kiểm sát viên tiến hành theo một trình tự, thủ tục chặt chẽ. CQHQ không có các chức danh này. Việc lấy lời khai do CQHQ thực hiện chưa được quy định một cách rõ ràng, cụ thể, BLTTHS cũng chỉ quy định chung chung “theo quy định của Bộ luật này”. Do chưa có quy định cụ thể, cho nên việc triệu tập người làm chứng đến làm việc rất khó khăn và cũng chưa có chế tài xử lý khi những người này không đến làm việc.

Theo quy định tại Điều 141 BLTTHS năm 2003 thì Lệnh khám xét của Thủ trưởng, Phó thủ trưởng CQĐT phải được Viện trưởng VKSND cùng cấp phê chuẩn trước khi tiến hành. Vì vậy, trường hợp CQHQ khám người, khám nơi oa trữ trong khu vực kiểm soát hải quan thì cần có sự phê chuẩn của VKSND hay không, chưa được hướng dẫn cụ thể. Trong thực tiễn cũng có nhiều ý kiến khác nhau về vấn đề này. Có ý kiến cho rằng BLTTHS, cũng như Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự đều không quy định nên việc khám người, khám nơi oa trữ trong khu vực kiểm soát hải quan không cần phải có

sự phê chuẩn của VKSND. Có quan điểm cho rằng ngay cả Lệnh khám xét của CQĐT còn phải có sự phê chuẩn của VKS thì đương nhiên Lệnh khám xét của cơ quan tiến hành một số hoạt động điều tra phải có sự phê chuẩn của VKSND cùng cấp. Tương tự việc thu giữ, tạm giữ vật chứng, tài liệu liên quan đến vụ án chưa được hướng dẫn cụ thể. Trên thực tế, để tránh việc thực thi không đúng quy định, CQHQ thường sử dụng quyết định hành chính để tiến hành khám xét, cũng như thu giữ vật chứng.

- Về chuyển vụ án: việc xác định thẩm quyền để CQHQ chuyển vụ án đang là một vấn đề có nhiều ý kiến khác nhau. Đối với trường hợp Chi cục Hải quan cửa khẩu khởi tố vụ án thì chuyển cho CQĐT cấp huyện nơi xảy ra vụ án, cũng là nơi phát hiện. Đối với trường hợp Cục trưởng Cục Hải quan liên tỉnh khởi tố vụ án thì chuyển cho CQĐT nơi xảy ra vụ án hay nơi phát hiện cũng chưa có quy định cụ thể.

Trường hợp Cục điều tra CBL, Cục Kiểm tra sau thông quan khởi tố vụ án thì việc chuyển cho CQĐT thuộc Bộ Công an hay CQĐT cấp tỉnh chưa có quy định cụ thể. Trong thực tế, khi tiến hành khởi tố vụ án, Cục Điều tra CBL thường trao đổi trước với VKSND tối cao và CQĐT thuộc Bộ Công an để xin ý kiến về việc chuyển giao vụ án.

- Việc định lượng trị giá hàng hóa, tiền tệ phạm pháp là rất khó khăn, nhất là những loại hàng hóa đặc biệt như động vật hoang dã, hàng hóa chuyên dụng,...

- Theo quy định tại Điều 153 BLHS năm 1999, đối với những trường hợp mặc dù trị giá hàng hoá buôn lậu, vận chuyển trái phép dưới 100 triệu đồng, nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi quy định tại hai điều này hoặc tại một trong các điều 155, 156, 157, 158, 159, 160, và 161 của BLHS năm 1999 hoặc đã bị kết án về một trong các tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm thì cũng bị coi là phạm tội.

Trong thực tế, thông tin tội phạm, về việc xử phạt vi phạm hành chính giữa các cơ quan chưa được kết nối trực tuyến và chưa có quy định các cơ quan phải thường xuyên cung cấp cho nhau, nên Hải quan không có thông tin để xử lý khi phát hiện vi phạm. Hiện nay, Chính phủ ban hành rất nhiều nghị định quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực hải quan, trong lĩnh vực thương mại... Tuy nhiên, những hành vi bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan, thương mại, sở hữu trí tuệ không xác định rõ hành vi nào là hành vi buôn lậu, hành vi nào là hành vi vận chuyển trái phép để làm căn cứ xác định một hành vi vi phạm pháp luật là tái phạm để xem xét đến khả năng bị xử lý hình sự.

2.4.4. Tổ chức bộ máy điều tra vụ án buôn lậu của CQHQ còn nhiều bất cập, chưa đáp ứng được yêu cầu của cuộc đấu tranh phòng, chống buôn lậu, tội phạm trong lĩnh vực Hải quan.

Hiện nay, ở Tổng cục Hải quan có 2 đơn vị tương đương đều có quyền khởi tố và điều tra vụ án hình sự như nhau, đó là Cục điều tra chống buôn lậu và Cục Kiểm tra sau thông quan. Bộ Tài chính, Tổng cục Hải quan chưa có văn bản phân công đơn vị nào có nhiệm vụ tham mưu, hướng dẫn hoạt động điều tra hình sự trong toàn ngành. Do vậy, từ khi BLTTHS năm 2003 được ban hành, ngành Hải quan chưa có văn bản nào hướng dẫn việc thực hiện hoạt động TTTHS.

Ngành Hải quan chưa tổ chức một hệ thống CQĐT hình sự riêng, có chức danh tiêu chuẩn riêng, mà lực lượng điều tra hình sự nằm trong lực lượng kiểm soát hải quan. Do vậy, tính chuyên sâu, chuyên nghiệp trong hoạt động TTTHS còn yếu kém.

2.4.5. Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ điều tra của CQHQ chưa đáp ứng được yêu cầu

Đội ngũ cán bộ làm công tác điều tra hình sự chủ yếu là kiêm nhiệm, nằm trong lực lượng kiểm soát hải quan. Đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm soát hải quan nói chung, điều tra hình sự nói riêng cũng thiếu, trình độ chưa đồng đều.

Tổng số cán bộ chuyên trách làm công tác CBL là 1,660 người, bằng 14,70 % biên chế Ngành (11.296 người). Trong đó trình độ trên đại học chiếm 1,61%; đại học, cao đẳng 82,57%; trung cấp 7,87%, sơ cấp trở xuống 7,95%. Có 71% là cán bộ ở cơ sở, thuộc đội kiểm soát của các cục Hải quan tỉnh, thành phố và tổ kiểm soát của Chi cục hải quan cửa khẩu. Có hơn 24% là cán bộ thuyền viên, huấn luyện viên chó nghiệp vụ, nhân viên hợp đồng là những người không được trực tiếp nghiệp vụ. Nhiều Cục hải quan tỉnh, thành phố số cán bộ chuyên trách làm công tác CBL không quá 10 người như: Quảng Nam, Bình Dương, Cà Mau, GiaLai- Kontum. [22]

Trình độ của cán bộ đa số mới đáp ứng yêu cầu tuần tra kiểm soát công khai, tổ chức đấu tranh với các vụ việc nhỏ, trong phạm vi hẹp. Do vậy, kiến thức chuyên sâu về pháp luật, kỹ năng, chiến thuật điều tra rất yếu (chỉ có khoảng 40% cán bộ đã qua đào tạo, tập huấn về nghiệp vụ CBL). Việc luân chuyển cán bộ làm công tác điều tra luôn thay đổi, dẫn đến thiếu cán bộ có trình độ, kinh nghiệm điều tra.

2.4.6. Điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ phát hiện, đấu tranh phòng, chống buôn lậu còn thiếu thốn, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ

Phần lớn các trang thiết bị, phương tiện CBL được trang bị trong nhiều năm, hiện tại phần lớn đã xuống cấp, hạn chế tính năng sử dụng hoặc hỏng. Mức độ đầu tư mới đáp ứng cho nhu cầu tối thiểu, chưa tương xứng với yêu cầu nhiệm vụ và yêu cầu kiểm soát thực tế. Đặc biệt trong điều kiện đối tượng buôn lậu có phương tiện, trang bị ngày càng hiện đại hơn so với lực lượng Hải quan.

Thiếu các trang thiết bị phục vụ hoạt động kiểm tra, khám xét hàng hóa, phương tiện chưa được đánh giá đúng. Dẫn đến tình trạng, trang thiết bị phục vụ công tác này đang được trang bị chủ yếu theo đề xuất của từng địa phương nhưng không được khảo sát, đánh giá cụ thể trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Một số trang bị không đồng bộ về chủng loại, xuất xứ. Do đó, ảnh hưởng đến công tác vận hành, sử dụng, sửa chữa... Mặt khác, tính năng kỹ thuật của các phương tiện đã được trang cấp cũng không còn phù hợp, không đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ; chưa được trang bị những thiết bị kiểm hóa cơ bản như: thiết bị phát hiện hàng cấm, thiết bị kiểm tra hóa chất, xăng dầu, thiết bị kiểm tra các chất gây nghiện, thiết bị phát hiện phóng xạ,...

Hệ thống tàu thuyền CBL đang tồn tại nhiều vấn đề bất cập như: tổng số tàu thuyền ngành Hải quan cho đến thời điểm này là 153 chiếc, trong đó có 29 tàu, 116 ca nô lắp máy. Trong số 29 tàu hải quan có 18 tàu từ 10 tuổi trở lên chiếm 62% trên tổng số tàu, có 04 tàu trên 17 năm sử dụng. Trong số 116 ca nô lắp máy có 48 ca nô từ 10 năm sử dụng trở lên chiếm 41% trên tổng số ca nô, số ca nô hỏng có 32 chiếc (chiếm 27,6% trên tổng số ca nô gắn máy). Đa số tàu có kích thước nhỏ, khả năng chịu sóng kém (thực tế chỉ chịu được sóng gió cấp 3-4), trong khi yêu cầu hoạt động trên biển đòi hỏi tàu phải chịu được sóng cấp 5-6. [22]

Tuy các loại vũ khí, công cụ hỗ trợ khác đã được quan tâm trang bị, nhưng vẫn còn các trang thiết bị phục vụ công tác chưa được trang cấp, còn thiếu và không kịp thời như: đạn cho súng quân dụng; các thiết bị kỹ thuật phục vụ công tác trinh sát kỹ thuật như: máy nghe điện thoại, máy định vị điện thoại,...

Kết luận Chương 2

Từ thông tin báo cáo tổng kết hàng năm của Ban Chỉ đạo quốc gia CBL, gian lận thương mại và hàng giả, báo cáo của công tác CBL của Tổng cục Hải quan và các tài liệu thu thập được, Chương 2 của luận văn đã tổng hợp, phân tích, đánh giá thực trạng diễn biến tình hình hoạt động của tội phạm buôn lậu hiện nay, nêu lên được những tuyến, địa bàn, đối tượng trọng điểm về buôn lậu, các phương thức, thủ đoạn, cũng như các mặt hàng buôn lậu chủ yếu và kết quả khởi tố, điều tra của CQHQ trong giai đoạn từ năm 2011 đến 2015. Ngoài ra, luận văn đã nêu lên được những đặc điểm chủ yếu của tội phạm buôn lậu, những nguyên nhân, điều kiện phát sinh buôn lậu.

Trong Chương 2, luận văn đã đánh giá những kết quả đạt được trong tổ chức công tác điều tra của CQHQ, qua đó thấy rõ tổ chức bộ máy chuyên trách làm công tác CBL và công tác điều tra vụ án buôn lậu, hệ thống luật, văn bản của ngành qui định về công tác điều tra, tổ chức hoạt động nghiệp vụ từ khâu trình sát đến khởi tố, điều tra. Chỉ ra những hạn chế, bất cập trong công tác điều tra vụ án buôn lậu của CQHQ từ nhận thức, hệ thống lý luận, tổ chức triển khai qui định của pháp luật về thẩm quyền, biện pháp điều tra theo TTHS. Đồng thời cũng nghiên cứu những nguyên nhân chủ yếu làm phát sinh những hạn chế, bất cập nêu trên.

Chương 2 của luận văn không chỉ phân tích, đánh giá một cách có hệ thống về thực trạng công tác điều tra vụ án buôn lậu của CQHQ mà còn xác định các vấn đề hạn chế, bất cập trong công tác này và nguyên nhân để từ đó là cơ sở xây dựng những giải pháp phù hợp góp phần nâng cao hiệu quả công tác điều tra vụ án buôn lậu của CQHQ.

Chương 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP GÓP PHẦN NÂNG CAO HIỆU QUẢ ĐIỀU TRA CÁC VỤ ÁN BUÔN LẬU CỦA CƠ QUAN HẢI QUAN TRONG THỜI GIAN TỚI

3.1. Dự báo tình hình liên quan đến công tác điều tra các vụ án buôn lậu của cơ quan hải quan trong thời gian tới

Buôn lậu là một hiện tượng xã hội, vì nó có nguồn gốc phát sinh từ xã hội, tồn tại trong xã hội. Tình hình hoạt động buôn lậu chịu sự tác động của các yếu tố kinh tế, chính trị, xã hội; gắn liền với những biến động về các mặt diễn ra trên thế giới, trong khu vực và trong nước. Công tác đấu tranh CBL nói chung và công tác điều tra vụ án buôn lậu nói riêng của CQHQ tác động bởi nhiều yếu tố, bao gồm cả tình hình khách quan và các yếu tố nội tại của chính CQHQ, trong đó chủ yếu là:

3.1.1. Tình hình hoạt động buôn lậu vẫn diễn biến phức tạp và nghiêm trọng

- Hoạt động buôn lậu phức tạp, gia tăng tại địa bàn tuyến biên giới đường bộ phía Bắc, trọng điểm là khu vực cửa khẩu thuộc tỉnh Quảng Ninh, Lạng Sơn, Lào Cai; tuyến biên giới miền Trung trọng điểm là khu vực cửa khẩu thuộc Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị; tuyến biên giới Tây Nam trọng điểm là Long An, Tây Ninh, Đồng Tháp, An Giang. Các cửa khẩu cảng biển, cảng sông quốc tế thuộc thành phố Hải Phòng, Đà Nẵng và Hồ Chí Minh; cửa khẩu sân bay quốc tế Nội Bài và Tân Sơn Nhất.

- Đối tượng buôn lậu với sự tham gia của nhiều thành phần xã hội, với đầu nậu là những tên cầm đầu, tổ chức điều hành những đường dây buôn lậu lớn, có quy mô lớn, phân công vai trò chặt chẽ, có phân công nhiệm vụ giữa các khâu. Có sự câu kết giữa các đối tượng trong nước và nước ngoài. Một bộ

phận người dân khu vực biên giới, các đối tượng nghiện hút, dân nghèo bị lôi kéo tiếp tay cho buôn lậu. Một số phi công, tiếp viên hàng không, thuyền viên tàu viễn dương vẫn là đối tượng buôn lậu với việc lợi dụng đặc thù nghề nghiệp. Gần đây có các đối tượng buôn bán động vật hoang dã, ma túy người gốc Phi.

- Về phương thức thủ đoạn ngày càng tinh vi, cần tập trung đấu tranh với thủ đoạn lợi dụng các chính sách khuyến khích đầu tư, du lịch, ưu đãi về thuế, bảo vệ hàng hóa sản xuất trong nước, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, môi trường, điều tiết kinh tế vĩ mô. Các thủ đoạn buôn lậu qua khai báo hải quan như khai sai tên, chủng loại, thuế suất, khối lượng, giá trị, tiêu chuẩn chất lượng, làm giả hồ sơ hải quan, giấy phép, CO, lợi dụng hình thức chuyển cửa khẩu, tạm nhập tái xuất,... vẫn tiếp tục xảy ra. Tại khu vực biên giới đường bộ, hiện tượng đai vác hàng qua đường mòn, lối mở, sử dụng xe ô tô hoán cải, xe máy, ghe xuồng vận chuyển hàng qua biên giới sẽ vẫn phức tạp.

- Mặt hàng buôn lậu nổi cộm vẫn là nhóm hàng cấm, ma túy, vũ khí, tài liệu phản động; xăng dầu, gỗ, quặng, động vật hoang dã, thuốc lá, rượu ngoại, ô tô, điện tử, điện lạnh, nguyên phụ liệu sản xuất, hàng tiêu dùng có giá trị cao; các mặt hàng đã qua sử dụng như máy động cơ, phụ tùng ô tô, xe máy, điện thoại, máy ảnh, camera; tân dược, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng,... Ngoài ra cần chú ý các mặt hàng gia công đầu tư tại Việt Nam xuất đi nước có hiệp định ưu đãi thuế quan (lợi dụng CO Việt Nam).

Như vậy, trong những năm tới đây, tình hình hoạt động tội phạm buôn lậu tiếp tục diễn biến phức tạp trên tất cả các tuyến, địa bàn, có tính tổ chức hơn và tập trung vào phương thức, thủ đoạn lợi dụng bất cập, sơ hở trong chính sách, pháp luật.

3.1.2. Trọng tâm nhiệm vụ của cơ quan Hải quan là đấu tranh chống buôn lậu, góp phần đảm bảo an ninh quốc gia, an toàn cộng đồng

Trong bối cảnh Việt Nam tiếp tục đẩy nhanh quá trình hội nhập sâu rộng và toàn cầu hóa và tự do thương mại. Sự xuất hiện các nguy cơ khủng bố quốc tế, buôn lậu, vận chuyển trái phép các chất ma túy, vũ khí, rửa tiền, vi phạm sở hữu trí tuệ dưới nhiều hình thức khác dẫn đến những nguy cơ xâm hại an ninh, lợi ích kinh tế quốc gia và an toàn cộng đồng. Một số chính sách ưu đãi về đầu tư, thương mại, thuế,... bị lợi dụng ngày càng nhiều. Do đó, nhiệm vụ của CQHQ cho có sự thay đổi, với trọng tâm là thực thi pháp luật, tăng cường kiểm soát, thông qua đẩy mạnh công tác CBL.

Đây cũng là xu thế chung của Hải quan thế giới. Tại Phiên họp Hội đồng WCO tháng 6/2008 đã thông qua Nghị quyết về vai trò của Hải quan trong thế kỷ 21 với tài liệu mang tên: “Hải quan trong thế kỷ 21 – Tăng cường sự tăng trưởng và phát triển thông qua thuận lợi hoá thương mại và an ninh biên giới” (năm 2008). Trong đó, nêu rõ trụ cột của Mô hình chiến lược đối với Hải quan trong thế kỷ 21 đó là tăng cường quyền hạn thực thi pháp luật của Hải quan nhằm đấu tranh chống lại tội phạm một cách hiệu quả. Theo Công ước Kyoto (mà Việt Nam là thành viên) thì CQHQ phải có thẩm quyền điều tra. Tham khảo pháp luật một số nước đều cho thấy CQHQ có thẩm quyền điều tra những tội phạm phát sinh trong lĩnh vực hoạt động hải quan.

Thực hiện nhiệm vụ này, Hải quan đang đẩy mạnh hiện đại hóa với mục tiêu đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo thuận lợi thương mại và đảm bảo kiểm soát chặt chẽ, CBL. Công tác điều tra vụ án buôn lậu được chú trọng hơn, thông qua việc triển khai đúng tiến độ, hiệu quả Quyết định số 212/QĐ-BTC ngày 09/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về phê duyệt Đề án nâng cao năng lực cho lực lượng hải quan chuyên trách CBL đến năm 2020. Theo đó hệ thống tổ chức lực lượng Hải quan thực hiện nhiệm vụ điều

tra vụ án buôn lậu được kiện toàn, cơ sở cho hoạt động điều tra được hoàn thiện khi triển khai Luật Hải quan 2015 và BLTTHS, Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015

3.2. Các giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả điều tra vụ án buôn lậu của cơ quan Hải quan

3.2.1. Xây dựng và hoàn thiện cơ sở pháp lý về điều tra vụ án buôn lậu của cơ quan Hải quan

Để bảo đảm cho hoạt động điều tra của CQHQ đạt hiệu quả cao thì phải xây dựng, hoàn thiện cơ sở pháp lý đầy đủ, thống nhất từ Luật tới các văn bản hướng dẫn thi hành liên quan đến công tác CBL. Kiến nghị sửa đổi, bổ sung Luật Hải quan, BLTTHS, Luật phòng chống ma túy,... Sửa đổi, bổ sung, ban hành mới nhằm hoàn thiện các văn bản hướng dẫn liên quan. Hoàn thiện các văn bản quy trình, thủ tục, biểu mẫu, ấn chỉ nghiệp vụ, chế độ hồ sơ nghiệp vụ.

3.2.1.1. Hoàn thiện các qui định pháp luật về hải quan

Triển khai Luật Hải quan ngày 30/6/2014, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 01/2015/NĐ-CP ngày 02/01/2015 quy định chi tiết phạm vi địa bàn hoạt động hải quan; trách nhiệm phối hợp trong phòng, CBL, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới. Thực hiện Nghị định này, cần có các văn bản hướng dẫn cụ thể về phạm vi địa bàn, về trách nhiệm, mối quan hệ công tác giữa các lực lượng chức năng, chính quyền địa phương. Để cụ thể hóa, trước mắt cần rà soát, sửa đổi, bổ sung, ký các qui chế phối hợp lực lượng giữa Hải quan và các cơ quan Công an, Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển,... Cụ thể hóa các qui chế, qui định ở tất cả các cấp, các địa phương.

Đồng thời, tại Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan, thì các biện pháp nghiệp vụ kiểm soát hải

quan đã được qui định. Tại Chương VII của Nghị định này đã qui định các biện pháp nghiệp vụ đảm bảo cho việc phòng ngừa, phát hiện, bắt giữ, điều tra và đảm bảo xử lý tội phạm, trong đó có tội phạm buôn lậu, cụ thể:

Vận động quần chúng tham gia phòng, CBL, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới; tuần tra hải quan; thu thập, nghiên cứu thông tin về địa bàn, tuyến vận chuyển hàng hóa, vụ việc, hiện tượng, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh và người có liên quan; thu thập, nghiên cứu thông tin về cá nhân có dấu hiệu hoạt động liên quan đến buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới; thu thập, xử lý thông tin trong nước và ngoài nước liên quan đến hoạt động hải quan. Cử cán bộ, công chức hải quan ra nước ngoài để xác minh, thu thập thông tin, tài liệu theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; tuyển chọn, xây dựng, sử dụng những người không thuộc biên chế của CQHQ để thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới; bố trí công chức hải quan kiểm tra, giám sát, theo dõi diễn biến hoạt động của đối tượng buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới; sử dụng các phương tiện, kỹ thuật nghiệp vụ chuyên dụng theo quy định của pháp luật để thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, theo dõi diễn biến, hoạt động của đối tượng buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới. Tạm hoãn việc khởi hành và dừng phương tiện vận tải; truy đuổi phương tiện vận tải, hàng hóa buôn lậu, vận chuyển trái phép qua biên giới.

Để triển khai các qui định này, cần hệ thống các thông tư, quyết định, các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính, Tổng cục Hải quan qui định về trình tự, thủ tục tiến hành các biện pháp, ấn chỉ, mẫu biểu, chế độ hồ sơ, chế độ đảm bảo về kinh phí, trang thiết bị kỹ thuật, cụ thể hóa một số quy định về thẩm quyền áp dụng các biện pháp nghiệp vụ, sử dụng cờ hiệu, vũ khí, công cụ hỗ trợ,...

3.2.1.2. Hoàn thiện pháp luật hình sự

Từ khi BLHS năm 1999 có hiệu lực, các cơ quan tư pháp nói chung, Toà án nhân dân tối cao nói riêng chưa có văn bản hướng dẫn về tội buôn lậu. Trong thực tiễn, CQHQ gặp rất nhiều khó khăn trong việc xác định một hành vi vi phạm pháp luật hải quan là vi phạm hành chính hay hình sự. Qua nghiên cứu các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực hải quan, xin kiến nghị cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn cụ thể về hành vi buôn bán qua biên giới trái qui định của pháp luật theo hướng: xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá thuộc danh mục cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu; xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá, mua bán hàng hoá qua biên giới không đúng cửa khẩu cho phép; hàng hóa tạm nhập tái xuất không đúng tuyến đường vận chuyển; không khai báo hoặc khai báo sai (tên, chủng loại, chất lượng, số lượng, giá,...); giả mạo xuất xứ Việt Nam; giả mạo hồ sơ, giấy tờ để xuất khẩu, nhập khẩu. Đây là những vấn đề rất vướng mắc trong thực tiễn áp dụng hiện nay. Việc hướng dẫn rõ các hành vi buôn lậu còn làm cơ sở để xác định các trường hợp đã bị xử phạt hành chính, mà tiếp tục vi phạm để xử lý hình sự.

Xác định yếu tố biên giới một cách cụ thể hơn cũng cần có hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền. Theo đó qui định cụ thể việc xác định biên giới trên bộ, trên biển, các khu vực đặc thù khác.

Việc lượng hoá tính chất nguy hiểm cho xã hội thông qua việc quy định hàng hoá vi phạm có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên. Qua nghiên cứu các vụ vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan hiện nay thì 80% vụ vi phạm đều có trị giá hàng hoá trên 100 triệu đồng. Mặt hàng, một số hàng hóa đặc thù gặp nhiều khó khăn khi định lượng. Vì vậy, đối với hành vi buôn lậu cần phải quy định lại định lượng hàng hoá vi phạm làm căn cứ xử lý hình sự.

Sửa đổi bổ sung BLHS năm 2015 đối với Điều 200 tội trốn thuế nhằm khắc phục những qui định không rõ ràng với Điều 188 liên quan đến các hành

vi không kê khai, kê khai thiếu hồ sơ thiếu so với thực tế hàng hóa, không kê khai, kê khai thiếu số thuế phải nộp,...

Vấn đề điều tra, xác minh vi phạm đối với pháp nhân thương mại là hoàn toàn mới, cần có hướng dẫn cụ thể các nội dung như: thu thập tài liệu, chứng cứ xác định pháp nhân thương mại, người đại diện pháp nhân thương mại, hành vi vi phạm nào thì được xác định là phạm tội nhân danh pháp nhân, vì lợi ích của pháp nhân, có tổ chức, có chỉ đạo,...

3.2.1.3. Hoàn thiện pháp luật TTHS quy định thẩm quyền điều tra của CQHQ

Xuất phát từ hoạt động đặc thù của CQHQ là cơ quan thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu. Trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế, tình hình buôn lậu có chiều hướng gia tăng và phức tạp hơn, cần tăng cường về thẩm quyền, nâng cao năng lực đấu tranh phòng, chống tội phạm cho CQHQ, cụ thể:

- Đề nghị trao cho CQHQ quyền hạn điều tra toàn bộ sau đó chuyển VKS truy tố đối với tất cả những vụ án liên quan đến lĩnh vực hải quan và áp dụng tất cả các biện pháp ngăn chặn, các biện pháp điều tra như lực lượng cảnh sát điều tra.

- Mở rộng phạm vi điều tra cho CQHQ đối với các loại tội phạm phát sinh trong lĩnh vực hải quan quy định tại BLHS năm 2015 như: tội trốn thuế (Điều 200); tội vi phạm về quản lý, bảo vệ động vật hoang dã (Điều 234); tội vận chuyển trái phép chất ma túy (Điều 250); tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán hoặc chiếm đoạt tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép các chất ma túy (Điều 253).

- Theo Điều 39 BLTTHS 2015 Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của cấp trưởng, cấp phó, cán bộ điều tra của các cơ quan BDBP, HQ, KL, CSB, kiểm ngư được giao tiến hành 1 số hoạt động điều tra: thì CQHQ có cán

bộ điều tra. Do đó cần có các qui định về chức danh, tiêu chuẩn, thẩm quyền của điều tra viên của CQHQ.

- Để hoạt động điều tra hình sự của CQHQ có hiệu quả và đúng pháp luật, tránh làm oan người vô tội, cản trở hoạt động xuất xuất, nhập khẩu, Bộ Tài chính chủ trì xây dựng văn bản liên tịch với Bộ Công an, VKSND tối cao hướng dẫn chi tiết một số nội dung của BLTTHS năm 2015 và Luật tổ chức CQĐT hình sự năm 2015 về hoạt động tố tụng hình sự của CQHQ như: hướng dẫn trình tự, thủ tục tiến hành các hoạt động điều tra vụ án buôn lậu, xác định các dấu hiệu, hành vi vi phạm pháp luật hình sự,... Qui định cụ thể các vấn đề: hỏi cung, lấy lời khai, thu giữ vật chứng, tài liệu liên quan đến vụ án, trưng cầu giám định; khám người, đồ vật, khám phương tiện vận tải, nơi cất giấu hàng hoá trong địa bàn hoạt động hải quan; mối quan hệ giữa CQHQ với CQĐT, VKSND trong cùng cấp, trao đổi thông tin. Ngoài ra cần xây dựng, ban hành các mẫu ấn chỉ trong hoạt động điều tra hình sự.

- Bên cạnh hoàn thiện các hệ thống pháp luật nêu trên, cần sửa đổi, bổ sung Luật thương mại, các văn bản quy định về xử phạt vi phạm hành chính để làm cơ sở xác định một hành vi vi phạm pháp luật hải quan là vi phạm hành chính hay hình sự.

3.2.2. Nâng cao hiệu quả hoạt động nghiệp vụ

3.2.2.1. Tăng cường hiệu quả công tác điều tra cơ bản, suu tra, cơ sở bí mật, đấu tranh chuyên án và các hoạt động trinh sát.

Nắm vững diễn biến tình hình tại tuyến, địa bàn, chủ động thông tin về đối tượng trọng điểm,... là yêu cầu cấp thiết đối với công tác nghiệp vụ của các đơn vị chuyên trách CBL của hải quan. Do vậy, cần phải chú trọng công tác điều tra nghiên cứu nắm tình hình, xây dựng mạng lưới cơ sở bí mật, cộng tác viên rộng khắp cả nước, cả ở nước ngoài; tăng cường hiệu quả áp dụng các biện pháp trinh sát nội tuyến, trinh sát ngoại tuyến, trinh sát kỹ thuật... để

hỗ trợ cho quá trình đấu tranh chuyên án, cụ thể:

- Đối với công tác điều tra nghiên cứu nắm tình hình: tất cả các đơn vị chuyên trách phải rà soát, xác định được các địa bàn trọng điểm. Tất cả các địa bàn trọng điểm phải được lập hồ sơ và đăng ký theo quy định và phải tiến hành thực hiện biện pháp này một cách thường xuyên.

- Đối với công tác sưu tra: tất cả các đơn vị chuyên trách phải rà soát, lập hồ sơ và thực hiện đúng trình tự theo qui. Thời gian tới cần xây dựng phần mềm quản lý đối tượng sưu tra, giúp cho các đơn vị cập nhật đối tượng sưu tra loại B và đối tượng có hành vi buôn lậu, trốn thuế sau đó bỏ địa chỉ kinh doanh vào hệ thống, sau đó gửi thẻ giấy về Tổng cục để quản lý, tra cứu.

- Đối với công tác xây dựng cơ sở bí mật: phương pháp xây dựng hiện nay mới chỉ quy định sử dụng một phương pháp "giáo dục, thuyết phục" cần bổ sung phương pháp "tác động vật chất" để công tác xây dựng cơ sở bí mật được thuận lợi, dễ thực hiện, đảm bảo lực lượng CBL có được một mạng lưới cơ sở bí mật có chất lượng, phục vụ công tác nghiệp vụ.

Sửa đổi chế độ khen thưởng vật chất và các chế độ khác cho CSBM vì hiện nay, các chế độ đãi ngộ đối với các CSBM còn thấp, khó thuyết phục được người tham gia làm cơ sở bí mật.

- Đối với biện pháp trinh sát kỹ thuật: xây dựng Thông tư của Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể biện pháp này. Tăng cường phối hợp với các lực lượng chuyên trách của Công an nhằm hỗ trợ lực lượng Hải quan khi có chuyên án. Trang bị, vận hành hệ thống giám sát, định vị vệ tinh theo dõi di biến động của hàng hóa xuất nhập khẩu, phương tiện vận tải.

- Đối với công tác đấu tranh chuyên án: quy định chặt chẽ việc đăng ký, quản lý hồ sơ và chấp hành thời hiệu, cũng như các giai đoạn của chuyên án, không để xảy ra tình trạng chuyên án được xác lập nhưng quá trình thu thập tài liệu trinh sát thiếu thuyết phục, mục đích chuyên án không đạt kết quả,

nhưng sau đó không có quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ hoặc kết thúc chuyên án.

Xác lập các chuyên án lớn tập trung vào các hiện tượng nổi cộm, hàng hóa có giá trị kinh tế cao, vi phạm chính sách quản lý về hải quan, chính sách điều tiết kinh tế vĩ mô, ảnh hưởng đến nền sản xuất hàng hoá trong nước. Đấu tranh phát hiện bắt giữ các vụ buôn bán, vận chuyển hàng cấm như ma túy, vũ khí, chất nổ, hàng hóa vi phạm môi trường, tài liệu phản động, văn hóa phẩm đồi trụy,... góp phần bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng.

- Đối với công tác vận động quần chúng: yêu các đơn vị hàng năm phải xây dựng kế hoạch rõ ràng, nội dung cụ thể, phương pháp tổ chức vận động, cách thức tiếp cận tổ chức, cá nhân trong việc vận động quần chúng giúp CQHQ tham gia CBL, vận chuyển trái phép hàng hoá qua biên giới.

- Đối với công tác tuần tra kiểm soát: tăng cường chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn các đơn vị quản lý địa bàn thu thập thông tin, tài liệu về tuyến, địa bàn phụ trách, xây dựng các kế hoạch, phương án tuần tra kiểm soát. Từng bước đầu tư trang bị tàu thuyền để thực hiện tuần tra kiểm soát trên các vùng biển, tuyến đường vận tải trọng điểm và chủ động kịp thời phối hợp với các lực lượng Hải quân, Bộ đội biên phòng, Cảnh sát biển trong tác chiến, phối hợp CBL cũng như đảm bảo an ninh quốc gia, an toàn hàng hải và cứu nạn, cứu hộ. Xây dựng cơ chế chỉ huy, điều phối hoạt động trên biển nhằm: Điều hành chung hoạt động tuần tra, tích hợp hoạt động quan sát để theo dõi các tàu, phương tiện buôn lậu phục vụ công tác đấu tranh, bắt giữ.

3.2.2.2. Chú trọng các hoạt động thu thập thông tin, tài liệu, chứng cứ, điều tra ban đầu,...

Trong hoạt động điều tra vụ án buôn lậu thì vấn đề bắt giữ hàng hoá vi phạm, đối tượng vi phạm giữ một vai trò quan trọng trong điều tra, xử lý. Do

vậy, việc áp dụng các biện pháp bắt giữ hàng hoá, phương tiện, đối tượng buôn lậu trong hoạt động điều tra hình sự cần phải được tính toán kỹ lưỡng vừa nhằm ngăn chặn hậu quả, nhưng vừa phải bảo đảm tính pháp lý chặt chẽ phục vụ cho việc củng cố chứng cứ, kết luận hành vi phạm tội của đối tượng. Để thực hiện được điều đó đòi hỏi phải có thông tin về hàng hoá buôn lậu, phương thức vận chuyển, các địa điểm tập kết để từ đó có các phương án phục kích bắt giữ, thu giữ hàng hoá vi phạm, hồ sơ, tài liệu liên quan đến hàng hoá vi phạm, nhật ký hành trình của phương tiện, chứng từ xuất nhập cảnh... và đồng thời vô hiệu hoá thông tin của các đối tượng để bắt giữ cả đường dây ổ nhóm.

Thực tiễn hoạt động điều tra hình sự của Hải quan đối với các vụ án buôn lậu thì để bắt giữ được hàng hoá vi phạm, tạm giữ đối tượng cần phải làm tốt các công tác như lập kế hoạch đón bắt trên cơ sở thu thập thông tin, tài liệu về phương thức, thủ đoạn hoạt động, thời gian, địa điểm tập kết hàng hoá, thời gian và địa điểm vận chuyển, các đối tượng vận chuyển. Trong kế hoạch phải có các nội dung: căn cứ xây dựng kế hoạch; các phương án bắt giữ hàng hoá, đối tượng; lực lượng tham gia; các phương án giải quyết các tình huống phát sinh.... Việc thực hiện các thủ tục bắt giữ phải theo quy định của pháp luật, đặc biệt chú trọng trong khâu lập biên bản phạm pháp quả tang. Vì đây là chứng cứ quan trọng trong hồ sơ vụ án và căn cứ để xác định CQHQ có quyền điều tra đến giai đoạn nào.

Để bảo đảm đúng quy định của pháp luật, khi phát hiện hành vi buôn lậu thì CQHQ phải tiến hành kiểm tra, khám xét để thu giữ hàng lậu, lập biên bản phạm pháp quả tang hoặc biên bản vi phạm hành chính, tiến hành tạm giữ hàng hoá, các hoá đơn, chứng từ kèm theo, tiến hành lấy lời khai ngay các đối tượng vi phạm. Trong trường hợp cần thiết (khi pháp luật TTHS chưa cho phép Hải quan tạm giữ người) có thể tạm giữ người theo thủ tục hành chính

để phục vụ cho hoạt động điều tra. Việc lấy lời khai cần tập trung đấu tranh với đối tượng bị bắt giữ để chúng nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật, thừa nhận đã thực hiện hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hoá qua biên giới, các phương thức, thủ đoạn nếu có. Làm rõ có hay không có đối tượng chủ mưu hoặc đối tượng tiếp tay.

3.2.3. Những giải pháp về tổ chức bộ máy và công tác cán bộ bảo đảm công tác điều tra vụ án buôn lậu của Hải quan

3.2.3.1. Những giải pháp về tổ chức bộ máy

Hiện nay, bộ máy chuyên trách làm nhiệm vụ điều tra hình sự chưa được thành lập. Nhiệm vụ điều tra các vụ án buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hoá qua biên giới được quy định một cách chung chung trong các quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc ngành Hải quan. Do vậy, khi phát hiện hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hoá qua biên giới thì lãnh đạo Cục điều tra CBL, cục Hải quan tỉnh, thành phố mới thành lập Ban chuyên án hoặc Tổ điều tra vụ án đó, thành phần do 01 lãnh đạo làm trưởng ban/tổ trưởng, thành viên là cán bộ của các phòng, đội Kiểm soát hải quan.

Cần phải sửa đổi, bổ sung quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc Tổng cục Hải quan, Cục hải quan tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo hướng quy định hệ thống CQĐT hình sự chuyên trách trong hệ thống các CQHQ từ Trung ương đến địa phương, cụ thể là:

Tổng cục Hải quan thành lập Đội điều tra hình sự (đơn vị cấp phòng) trực thuộc Cục Điều tra CBL, có nhiệm vụ tham mưu cho lãnh đạo Tổng cục Hải quan về công tác điều tra hình sự trong toàn Ngành; trực tiếp điều tra các vụ án hình sự do Cục điều tra CBL phát hiện hoặc vụ án lớn, phức tạp liên quan đến nhiều địa phương, nhiều ngành mà cục Hải quan tỉnh, thành phố,

Chi cục Hải quan không đủ khả năng điều tra hoặc những vụ án có liên quan đến công chức Hải quan.

Cục kiểm tra sau thông quan thành lập thêm phòng Tham mưu xử lý vi phạm, trong đó có một Tổ chuyên trách điều tra các vụ án buôn lậu do Cục kiểm tra sau thông quan phát hiện.

Cục Hải quan địa phương thành lập tổ chuyên trách điều tra hình sự trong đội Kiểm soát hải quan. Ngoài chức năng chỉ đạo, hướng dẫn kiểm tra các Chi cục Hải quan về công tác điều tra hình sự, tổ chuyên trách điều tra hình sự trực tiếp điều tra những vụ án buôn lậu, vận chuyển trái phép do cục Hải quan tỉnh phát hiện hoặc các vụ án liên quan đến địa bàn hoạt động của hai Chi cục Hải quan trở lên hoặc những vụ án mà Chi cục Hải quan không đủ khả năng điều tra chuyển lên.

Chi cục thành lập bộ phận chuyên trách trong đội Tổng hợp, có nhiệm vụ tiến hành điều tra các vụ án do Chi cục Hải quan cửa khẩu phát hiện trong phạm vi thẩm quyền của mình.

Các đơn vị chuyên trách điều tra hình sự có trách nhiệm tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố của các cá nhân, tổ chức và các cơ quan nhà nước.

3.2.3.2. Những giải pháp về công tác cán bộ

Hiệu quả công tác điều tra hình sự đối với vụ án buôn lậu phụ thuộc rất lớn vào số lượng, năng lực, trình độ cán bộ làm công tác điều tra. Do đó, tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kiến thức cho cán bộ làm công tác điều tra là vấn đề cấp bách hiện nay.

Theo Đề án nâng cao năng lực cho lực lượng hải quan chuyên trách CBL đến năm 2020, Xác định số lượng chiếm 30% quân số toàn Ngành (khoảng 4000 biên chế). Số cán bộ này được tuyển dụng dưới nhiều hình thức, qua thi tuyển 60% chỉ tiêu, còn lại là chuyển ngành, điều động trong nội

bộ ngành. Thực tế hiện nay, việc tuyển dụng cán bộ chuyên ngành điều tra tội phạm chủ yếu nguồn từ các trường của Bộ Công an và Bộ Quốc phòng. Nên thực tế số sinh viên tốt nghiệp các trường này để tuyển mới vào Hải quan không có. Vì vậy, nguồn cán bộ chủ yếu thông qua chuyển ngành từ lực lượng công an, quân đội. Số còn lại là tự đào tạo, đào tạo bổ sung từ các chuyên ngành Luật, Ngoại ngữ, Ngoại thương, Tài chính, Quan hệ quốc tế, Thương mại, ...) và một số chuyên ngành đặc thù khác.

Cần xây dựng các tiêu chuẩn, chức danh cán bộ điều tra, trên cơ sở đó, tuyển chọn những người có đủ điều kiện, năng lực sang làm công tác điều tra, có chương trình đào tạo, tái đào tạo cho phù hợp. Cán bộ làm công tác điều tra hình sự ít nhất phải có các tiêu chuẩn cơ bản: là công dân Việt Nam trung thành với Tổ quốc và Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, có phẩm chất đạo đức tốt, liêm khiết và trung thực; có sức khoẻ tốt để hoàn thành được nhiệm vụ điều tra; có trình độ đại học An ninh, đại học Cảnh sát hoặc đại học Luật, có kiến thức về kinh tế ngoại thương, thanh toán quốc tế; cú thời gian làm công tác kiểm soát hải quan ít nhất từ 04 năm trở lên.

Bên cạnh đó cần phải hoàn thiện giáo trình điều tra hình sự cho các lớp nghiệp vụ hải quan theo hướng: ngoài phần quy định thẩm quyền điều tra của Hải quan, cần phải bổ sung phần nội dung về hoạt động điều tra hình sự chuyên sâu, các biện pháp điều tra, khám xét... Mời thêm giáo viên của Học viện An ninh nhân dân, Học viện Cảnh sát nhân dân, Học viện Biên phòng có kinh nghiệm giảng dạy về công tác điều tra các vụ án buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hoá qua biên giới tham gia giảng dạy các lớp nghiệp vụ hải quan.

Ổn định đội ngũ cán bộ điều tra hình sự của Hải quan theo hướng chuyên môn hoá là hết sức quan trọng. Do đặc điểm của ngành Hải quan, cán bộ tại các Cục Hải quan tỉnh thường xuyên phải luân chuyển, dẫn đến sự xáo trộn về mặt cán bộ, cán bộ điều tra có kinh nghiệm thì bị luân chuyển đi làm

việc khác, cán bộ mới luân chuyển về không tránh khỏi những lúng túng về mặt thủ tục, trình tự điều tra, thậm chí còn có những sai sót trong quá trình điều tra. Vì vậy, để tạo điều kiện cho cán bộ điều tra có điều kiện tích lũy kinh nghiệm, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao thì ngoài việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực trình độ, thì việc bố trí, ổn định cán bộ làm công tác điều tra hình sự ở các đơn vị hải quan là hết sức cần thiết. Vì vậy, cần phải có chế độ chính sách, đãi ngộ phù hợp để cán bộ làm công tác điều tra an tâm công tác như chế độ phụ cấp, thanh toán tiền làm thêm giờ.... Việc luân chuyển cán bộ điều tra cũng chỉ thực hiện trong hệ thống tổ chức điều tra hình sự của ngành.

3.2.4. Tăng cường mối quan hệ phối hợp với các cơ quan tiền hành tố tụng

3.2.4.1. Tăng cường mối quan hệ phối hợp với cơ quan điều tra chuyên trách

Nhằm tăng cường hiệu quả công tác CBL, gian lận thương mại và hàng giả, Tổng cục Hải quan đã ký các qui chế phối hợp giữa hải quan với các lực lượng chức năng Công an, Bộ đội biên phòng, Cảnh sát biển,... cụ thể như sau:

- Quy chế phối hợp số 5341/QCPH/TCHQ-TCCS ngày 22/11/2007 giữa lực lượng Hải quan và lực lượng Cảnh sát nhân dân trong đấu tranh phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm khác.

- Quy chế số 10472/QC-TCHQ-BTLCSB ngày 21/8/2014 giữa lực lượng Hải quan và Cảnh sát biển.

- Quy chế phối hợp số 5000/QC-TCHQ-BTLBĐBP ngày 20/9/2012 giữa Hải quan và Bộ đội biên phòng.

Các quy chế phối hợp này được ký kết trên cơ sở Luật Hải quan năm 2001, Nghị định số 107/2002/NĐ-CP của Chính phủ qui định phạm vi địa bàn hoạt động hải quan; mối quan hệ phối hợp trong phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới và các hành vi khác vi phạm pháp luật

hải quan. Đến nay, cả 2 cơ sở pháp lý này đều đã thay đổi; mặt khác thực tiễn công tác phối hợp trong những năm qua cũng đã có nhiều thay đổi cả về chất và lượng, cần phải có các quy chế phối hợp mới phù hợp hơn, theo hướng:

- Hoạt động phối hợp giữa các cơ quan phải nhanh chóng, kịp thời, hiệu quả, hiệp đồng hỗ trợ lẫn nhau theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan; từng lĩnh vực chỉ có một cơ quan quản lý nhà nước chủ trì thực hiện, tránh sơ hở, chồng chéo, đồng thời không cản trở đến hoạt động bình thường của các cơ quan nhà nước khác.

- Các lĩnh vực phối hợp cần có quy định cụ thể gồm: trao đổi, cung cấp thông tin; tuần tra, kiểm soát, kiểm tra, truy đuổi, dùng phương tiện vận tải (các quy chế trước đây chưa có văn bản nào đề cập nội dung này); ngăn chặn, điều tra, xử lý vi phạm; đào tạo, nâng cao nghiệp vụ; tuyên truyền phổ biến chính sách, pháp luật.

3.2.4.2. Tăng cường mối quan hệ phối hợp với VKSND

Thực tế hiện nay, trước khi khởi tố vụ án buôn lậu, CQHQ thường có văn bản trao đổi trước với VKS để trao đổi thông tin, xin ý kiến về việc khởi tố vụ án. Riêng Cục Điều tra CBL, Tổng cục Hải quan và Vụ Thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra án kinh tế và chức vụ, VKSND tối cao đã ký văn bản số 458/2013/QĐPH/ĐTCBL-VI ngày 09/05/2013 quy định phối hợp về lĩnh vực này. Thực tế trong 2 năm vừa qua, văn bản này đã phát huy tác dụng trong công tác khởi tố, điều tra vụ án buôn lậu của Cục Điều tra CBL, Tổng cục Hải quan. Do đó, văn bản phối hợp này cần được áp dụng đối với CQHQ các tỉnh, thành phố và Viện kiểm sát cùng cấp. Ngoài ra, cần quy định cụ thể hơn nữa các nội dung cụ thể trong vấn đề phê chuẩn khởi tố bị can, như quy định các tài liệu có trong hồ sơ, cách thức chuyển hồ sơ, thời gian chuyển hồ sơ, phối hợp trong việc thực hiện các yêu cầu của VKS như hỏi cung, lấy lời khai hoặc phối hợp trong khám xét để bảo đảm cho hoạt

động điều tra của CQHQ khách quan, đúng quy định của pháp luật.

3.2.5. Tăng cường phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ

Cùng với sự phát triển của khoa học kỹ thuật thì thủ đoạn buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hoá qua biên giới ngày càng tinh vi. Các đối tượng buôn lậu đều sử dụng công nghệ thông tin liên lạc hiện đại, phương tiện vận chuyển có tốc độ cao để đối phó với các cơ quan chức năng, vô hiệu hoá hoạt động của lực lượng Hải quan trong quá trình phát hiện, truy đuổi, cũng tiến hành các hoạt động điều tra. Vì vậy, để thực hiện tốt nhiệm vụ điều tra hình sự của CQHQ, thì lực lượng điều tra hình sự phải được quan tâm đúng mức về kinh phí, phương tiện và các điều kiện bảo đảm khác, như trang bị thêm tàu thuyền, ống nhòm, hệ thống radar, hệ thống định vị phương tiện, hệ thống theo dõi liên lạc vô tuyến viễn thông để phục vụ công tác CBL trên biển, trên sông, suối biên giới. Để bảo đảm an toàn, chặt chẽ trong quá trình bắt giữ, khám xét, thu giữ vật chứng, lấy lời khai cần trang bị cho lực lượng điều tra của Hải quan các trang thiết bị tối thiểu như máy chụp ảnh, máy ghi âm, camera, các phương tiện giao thông để dẫn giải đối tượng. Trước mắt cần tiếp tục đầu tư cho Phòng giám sát trực tuyến đảm bảo việc theo dõi, giám sát 24/24 các phương tiện xuất nhập cảnh, cảng, hàng hóa xuất nhập khẩu, khu vực kho bãi, trụ sở các chi cục Hải quan cửa khẩu,... trọng điểm. Các phương tiện kỹ thuật phục vụ công tác trinh sát ngoại tuyến, nội tuyến.

3.2.6. Tăng cường hợp tác quốc tế trong công tác chống buôn lậu

Cùng với xu thế toàn cầu hoá nền kinh tế thì tội phạm buôn lậu đang trở thành một hoạt động mang tính toàn cầu, như buôn bán vũ khí, chất phóng xạ, chất ma túy... Để phòng, chống buôn lậu, Việt Nam cần mở rộng quan hệ hợp tác, hỗ trợ lẫn nhau trong vấn đề phòng chống tội phạm, nhất là các nước trong khu vực và các nước chung đường biên giới như Trung Quốc, Lào, Campuchia.

Ngoài ra, cần tiếp tục phát huy tốt vai trò là thành viên của Tổ chức Hải quan thế giới, là đầu mối của hệ thống tình báo Hải quan, Văn phòng tình báo Hải quan khu vực châu Á - Thái bình dương.

Kết luận chương 3

Trên cơ sở lý luận đã phân tích tại Chương 1 của luận văn và đánh giá thực trạng hình hình, rút ra những vấn đề hạn chế, nguyên nhân làm ảnh hưởng tới hiệu quả của điều tra các vụ án buôn lậu của CQHQ trong thời gian qua tại Chương 2 và các dự báo các vấn đề ảnh hưởng tới công tác này trong thời gian tới. Chương 3 của luận văn đã một số giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả công tác điều tra các vụ án buôn lậu của CQHQ tập trung vào các vấn đề:

- Hoàn thiện về cơ sở pháp lý, trong đó các kiến nghị được rút ra từ những bất cập trong thẩm quyền theo qui định của pháp luật đã làm hạn chế hiệu quả điều tra của CQHQ, những vấn đề khó khăn trong quá trình thực hiện các biện pháp điều tra,... Nâng cao hiệu quả hoạt động nghiệp vụ điều tra các vụ án buôn lậu của cơ quan hải quan, theo đó khắc phục các hạn chế trong các hoạt động trinh sát, điều tra, thu thập chứng cứ,...

- Các giải pháp nâng cao năng lực về tổ chức bộ máy, chất lượng, số lượng đội ngũ cán bộ làm công tác điều tra hình sự; đầu tư trang thiết bị, kỹ thuật nghiệp vụ,...: giải pháp được đưa ra trên cơ sở qui định hiện hành của pháp luật, các định hướng, đề án, dự án, kế hoạch hiện đại hóa Hải quan, công tác tuyển dụng, quản lý, sử dụng cán bộ,... Các giải pháp hỗ trợ khác về hiệu quả của mối quan hệ phối hợp lực lượng, hợp tác quốc tế,...

KẾT LUẬN

Trong bối cảnh tình hình hoạt động buôn lậu ngày càng gia tăng, diễn biến phức tạp, đặt ra yêu cầu phải nâng cao hiệu quả điều tra các vụ án buôn lậu của CQHQ. Để làm được điều này, đã có nhiều công trình nghiên cứu của các nhà khoa học, nhiều đề tài, đề án của các cơ quan hữu quan được xây dựng và triển khai. Tuy nhiên, việc nghiên cứu, tiếp cận trực tiếp một cách có hệ thống các vấn đề lý luận và thực tiễn của công tác điều tra vụ án buôn lậu của CQHQ là cần thiết; qua đó đóng góp phần làm rõ các vấn đề về lý luận, thống nhất về nhận thức, đánh giá khách quan tình hình và kết quả công điều tra, đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác này.

Về lý luận, kết quả nghiên cứu đã làm rõ khái niệm, các dấu hiệu pháp lý cơ bản của tội buôn lậu; khái niệm, đặc điểm, một số hoạt động cụ thể trong điều tra vụ án buôn lậu của CQHQ... được quy định trong pháp luật hiện hành. Quá trình nghiên cứu cũng đã so sánh các điểm khác biệt giữa các văn bản luật qua các thời kỳ về tội phạm, dấu hiệu của tội phạm buôn lậu, về thẩm quyền điều tra vụ án buôn lậu của CQHQ, mối quan hệ trong hoạt động điều tra của CQHQ với VKS, các CQĐT khác.

Về thực tiễn, luận văn đã đánh giá khái quát diễn biến tình hình của hoạt động buôn lậu về tuyến, địa bàn trọng điểm, về đối tượng, phương thức, thủ đoạn hoạt động buôn lậu, về các mặt hàng vi phạm chủ yếu,... Tổng hợp, thống kê kết quả điều tra vụ án buôn lậu của các đơn vị Hải quan các cấp, trên toàn quốc từ 5 năm gần đây (2011 - 2015). Nhận xét, đánh giá về kết quả đạt được, các hạn chế, bất cập và nguyên nhân ảnh hưởng đến hiệu quả công tác điều tra vụ án buôn lậu của CQHQ hiện nay trên các mặt như: cơ sở pháp lý, kết quả thực hiện các biện pháp nghiệp vụ cụ thể, tổ chức bộ máy, chất lượng nguồn nhân lực, trang thiết bị nghiệp vụ,...

Tổng hợp kết quả nghiên cứu và trên cơ sở dự báo diễn biến tình hình hoạt động của tội phạm buôn lậu, các yếu tố chính trị, kinh tế, xã hội ảnh hưởng đến công tác điều tra,... luận văn đã đưa ra một số giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả công tác điều tra vụ án buôn lậu của CQHQ, cụ thể là các giải pháp sau:

- Xây dựng và hoàn thiện cơ sở pháp lý: trong năm 2015, Quốc hội XIII ban hành nhiều văn bản pháp luật là cơ sở pháp lý quan trọng của về điều tra vụ án buôn lậu của CQHQ là Bộ luật hình sự, Bộ luật TTHS, Luật tổ chức CQĐT hình sự, Luật Hải quan,... Trong đó nhiều qui định về thẩm quyền điều tra, thời hạn điều tra, các biện pháp nghiệp vụ đã được sửa đổi, bổ sung theo hướng tăng thêm và mở rộng hơn. Chính vì vậy, luận văn đã kiến nghị các nội dung cần qui định cụ thể trong các văn bản hướng dẫn luật, qui định trình tự, thủ tục, biểu mẫu ấn chỉ phục vụ công tác điều tra.

- Giải pháp về nâng cao hiệu quả hoạt động nghiệp vụ như: hoạt động điều tra cơ bản, sưu tra, cơ sở bí mật, đấu tranh chuyên án, các hoạt động thu thập thông tin, tài liệu, chứng cứ, điều tra ban đầu và các hoạt động trinh sát.

- Các giải nhằm kiện toàn về tổ chức bộ máy và công tác cán bộ đảm bảo cho hoạt động điều tra vụ án buôn lậu của CQHQ: theo đó kiến nghị kiện toàn các đơn vị điều tra chuyên trách ở Tổng cục Hải quan, các cục Hải quan tỉnh, thành phố. Các giải pháp liên quan đến công tác tuyển dụng, quản lý, sử dụng, đào tạo, đào tạo lại cán bộ làm công tác điều tra.

- Giải pháp về tăng cường mối quan hệ phối hợp với các cơ quan tiến hành tố tụng, VKSND: kiến nghị sửa đổi, bổ sung các qui chế phối hợp trong hoạt động điều tra giữa Tổng cục Hải quan và Tổng cục Cảnh sát, Bộ tư lệnh Bộ đội biên phòng, Bộ tư lệnh Cảnh sát biển, Cục Quản lý thị trường,...

- Giải pháp về tăng cường phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ như trang thiết bị thông tin liên lạc, phương tiện phục vụ công tác trinh sát, truy đuổi, thu thập tài liệu, chứng cứ, trung tâm chỉ huy giám sát hải quan,...

- Giải pháp về tăng cường hợp tác quốc tế trong công tác chống buôn lậu.

Kết quả nghiên cứu của Luận văn xuất phát từ yêu cầu thực tiễn công tác của học viên, với mong muốn có một cách nhìn toàn diện hơn, đóng góp được những ý kiến hữu ích nhất nhằm nâng cao hiệu quả của công tác điều tra vụ án buôn lậu của CQHQ.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. GS, TS. Nguyễn Ngọc Anh (2009), *Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. GS, TS. Nguyễn Ngọc Anh (2012), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam (tập I và II) dành cho hệ đào tạo cao học chuyên ngành tội phạm học và điều tra tội phạm*, Học viện Cảnh sát nhân dân.
3. PGS, TS. Nguyễn Ngọc Anh - TS, Trần Văn Luyện, TS. Trần Quang Tiệp, TS. Nguyễn Đức Mai, ThS. Nguyễn Sĩ Đại, ThS. Nguyễn Văn Cừ, ThS. Bùi Anh Dũng (2004), *Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam năm 2003*, Nhà xuất bản chính trị quốc gia.
4. Ban Chỉ đạo quốc gia chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả (2014), Báo cáo công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả năm 2014, 2015, Hà Nội.
5. Nguyễn Đức Bình (2005), *Đấu tranh chống tội phạm buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới*, Luận án tiến sĩ luật học, đại học Luật Hà Nội.
6. PTS. Lê Thanh Bình (1988), *Chống buôn lậu và gian lận thương mại*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
7. Bộ Chính trị, Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 về *Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*.
8. Nguyễn Phi Hùng (2008), *Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động kiểm tra, giám sát, kiểm soát của CQHQ Việt Nam ở các cửa khẩu cảng Hàng không quốc tế nhằm bảo đảm an ninh quốc gia*, Luận án tiến sĩ, Học viện An ninh.
9. Đinh Văn Quế (2006), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự, tập 6*, Nhà xuất bản tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh.

10. Quốc hội (1985), *Bộ luật hình sự*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
11. Quốc hội (1999), *Bộ luật hình sự*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
12. Quốc hội (2009), *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật hình sự năm 1999*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
13. Quốc hội (2015), *Bộ luật hình sự năm 2015*, Nhà xuất bản Tư pháp, Hà Nội.
14. Quốc hội (1988), *Bộ luật tố tụng hình sự năm 1988*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
15. Quốc hội (2003), *Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
16. Quốc hội (2015), *Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015*, Nhà xuất bản Lao động, Hà Nội.
17. Quốc hội (2001), *Luật Hải quan năm 2001*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
18. Quốc hội (2014), *Luật Hải quan năm 2014*, Nhà xuất bản Tài chính, Hà Nội
19. Quốc hội (2016), *Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự*, Nhà xuất bản Lao động, Hà Nội.
20. Quốc hội (2016), *Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 về việc lùi hiệu lực thi hành của BLHS số 100/2015/QH13, BLTTHS số 101/2015/QH13, Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Luật thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13 và bổ sung dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS số 100/2015/QH13 vào chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2016*
21. Tổng cục Hải quan (2014), *70 năm Hải quan Việt Nam*, Nhà xuất bản Lao Động, Hà Nội.
22. Tổng cục Hải quan (2011-2015), *Báo cáo tổng kết công tác kiểm soát hải quan năm 2011, 2012, 2013, 2014, 2015*, Hà Nội

23. Tổng cục Hải quan (1996), *Chống buôn lậu qua biên giới*, Hà Nội.
24. Tổng cục Hải quan (2012), *Đề án nâng cao năng lực cho lực lượng hải quan chuyên trách chống buôn lậu đến năm 2020*, Hà Nội.
25. Ủy ban thường vụ Quốc hội (2004), *Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự năm 2004*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
26. GS, TS. Võ Khánh Vinh (2014), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam phân chung*, Nhà xuất bản khoa học xã hội.
27. GS, TS Võ Khánh Vinh (2014), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam phân các tội phạm*, Nhà xuất bản khoa học xã hội.
28. GS, TS. Võ Khánh Vinh (2013), *Giáo trình lý luận chung về định tội danh*, Nhà xuất bản khoa học xã hội.
29. GS, TS. Võ Khánh Vinh (1996), *Quyết định hình phạt trong Luật hình sự Việt Nam*”, Tội phạm học, Luật hình sự, Luật tố tụng hình sự, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.